



On behalf of



Federal Ministry for the
Environment, Nature Conservation
and Nuclear Safety

of the Federal Republic of Germany

Đánh giá sự phù hợp của sáng kiến kỹ thuật canh tác lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu

và

Giải pháp nhân rộng ở các tỉnh thuộc Chương trình CCCEP

Nộp cho:

Hợp phần Sinh kế Bền vững,
Chương trình Biến đổi Khí hậu và các Hệ sinh thái Ven biển (CCCEP)

Người viết:

Thái Thị Minh, PhD

Tháng 2, 2013

Báo cáo này phản ánh quan điểm của chuyên gia tư vấn, không liên nhất thiết có quan đến quan điểm của CCCEP và dự án Dự án thích ứng với Biến đổi khí hậu thông qua thúc đẩy đa dạng sinh học tỉnh Bạc Liêu

Mục lục

Ký hiệu viết tắt.....	3
Tóm tắt.....	4
I. Giới thiệu chung.....	6
II. Tình hình sản xuất lúa ở trong điều kiện biến đổi khí hậu.....	7
II.1 Hệ thống canh tác 2-3 vụ lúa.....	7
II.2 Hệ thống canh tác lúa-tôm.....	8
II.3 Tình hình sản xuất hiện nay.....	9
III. Nguồn lực và khả năng của hệ thống hỗ trợ áp dụng đổi mới kỹ thuật vào sản xuất lúa.....	11
III.1 Hệ thống quản lý nhà nước.....	11
III.2 Hệ thống cung cấp kiến thức khoa học kỹ thuật.....	12
III.3 Hệ thống cung ứng giống và vật tư đầu vào.....	17
III.4 Hệ thống tiêu thụ sản phẩm.....	18
III.5 Liên kết hệ thống và xu hướng áp dụng đổi mới kỹ thuật.....	19
IV Sự phù hợp của những đổi mới kỹ thuật canh tác lúa thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu .	22
IV.1 Biện pháp ‘Ngập khô xen kẽ trên nền ‘1 phải 5 giảm’.....	23
IV.2 Giống lúa chịu mặn.....	25
IV.3 Cánh đồng mẫu lớn.....	27
V Giải pháp nhân rộng sáng kiến kỹ thuật phù hợp cho các tỉnh thuộc chương trình CCCEP.....	29
V.1. Điều kiện cần để nhân rộng thành công các đổi mới kỹ thuật.....	29
V.2 Đề xuất giải pháp nhân rộng các đổi mới kỹ thuật phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu	30
VI Khuyến nghị cho Hợp phần Lúa, dự án GIZ Bạc Liêu.....	36
VII Kết luận và khuyến nghị.....	38
Tài liệu tham khảo.....	39
Phụ lục.....	40
Phụ lục 1: Điều khoản tham chiếu hợp đồng tư vấn.....	40
Phụ lục 2: Chương trình làm việc.....	42
Phụ lục 3: Tổng hợp phương pháp khuyến nông đang được sử dụng.....	46
Phụ lục 4. Đánh giá sự phù hợp của ‘ngập khô xen kẽ trên nền 1 phải 5 giảm’.....	47

Ký hiệu viết tắt

Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
UBND	Ủy ban Nhân dân Tỉnh
CLUES	Dự án ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu lên sử dụng đất ở Đồng bằng Sông Cửu Long: Sự thích ứng của các hệ thống canh tác trên nền lúa
KNKN	Khuyến nông Khuyến Ngư
BVTV	Bảo Vệ Thực vật
CCCEP	Chương trình Biến đổi Khí hậu và các Hệ sinh thái Ven biển
ĐBSCL	Đồng Bằng sông Cửu Long
CĐML	Cánh đồng mẫu lớn
NGOs	Các tổ chức phi chính phủ
FFS	Phương pháp tập huấn cho nông dân tại hiện trường
IMP	Phòng chống sâu bệnh tổng hợp

Tóm tắt

Xâm nhập mặn, hạn hán, lũ lụt, thiếu nước ngọt vào mùa khô là những tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu đến hai hệ thống canh tác lúa chính ở ở Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL): hệ thống lúa tôm và hệ thống chuyên canh lúa. Hệ thống lúa-tôm thường xuyên đối mặt với nguy cơ mất thu hoặc năng suất thấp do thiếu giống có khả năng chịu mặn cao, chống chịu sâu bệnh, đổ ngã, hạn hán và trình độ canh tác của người dân yếu. Hệ thống chuyên canh lúa thường xuyên đối mặt với nguy cơ sâu bệnh tăng, ngập úng trong mùa mưa và thiếu nước ngọt vào mùa khô. Những tác động này đang đưa người trồng lúa ở ĐBSCL phải đối mặt với nguy cơ mất dần diện tích trồng lúa, mất mùa, và giảm sản lượng lúa. Thêm vào đó, biến động của thị trường và giá cả thấp, thất thường đã thực sự làm cho sinh kế của người dân trồng lúa ở vùng này đang bị lao đao. Trong bối cảnh này, áp dụng những đổi mới kỹ thuật và tổ chức phù vào các hệ thống canh tác lúa hiện nay là cấp thiết.

Hệ thống hỗ trợ đổi mới sản xuất lúa ở ĐBSCL đã và đang phát triển và giới thiệu nhiều đổi mới vào sản xuất. Với hướng tiếp cận theo ‘nguồn cung’, được định hướng từ chủ trương và chính sách phát triển nông nghiệp và an ninh lương thực của nhà nước, hệ thống này chưa thực sự đáp ứng những nhu cầu về áp dụng đổi mới của sản xuất lúa trong điều kiện hiện nay. Triển khai các chính sách của Nhà nước, hệ thống cung cấp kiến thức khoa học kỹ thuật tập trung chính vào xây dựng vào chuyển các giải pháp kỹ thuật cho người dân. Tuy đã có những nỗ lực về xã hội hóa công tác khuyến nông nhưng phương pháp chủ yếu vẫn là khuyến nông theo kiểu truyền thống, hạn chế hiệu quả áp dụng vào thực tế sản xuất.

Hệ thống cung ứng giống và vật tư đầu vào có sự tham gia và đầu tư của cả khối các đơn vị nhà nước và doanh nghiệp tư nhân. Hệ thống này có hệ thống phân phối đa cấp, cung cấp đa dạng các loại sản phẩm, đáp ứng được nhu cầu của thực tế sản xuất. Tuy nhiên, do có cấu trúc đa cấp nên chi phí phụ trội cao và do cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp để đạt lợi nhuận tối đa nên chất lượng sản phẩm không đồng đều và đảm bảo. Giá giống và vật tư đầu vào thường được đội tăng lên hàng năm.

Hệ thống chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo với sự tham gia của cả khối nhà nước và tư nhân đã góp phần vào lưu thông hàng hóa trên thị trường. Tuy vậy, do có sự độc quyền của hệ thống thương lái, sự coi thường về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, sự thiếu đầu tư về hệ thống kho bãi và công nghệ bảo quản chế biến, và sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các đơn vị kinh doanh, và thiếu sự quản lý vĩ mô hiệu quả của nhà nước, hệ thống này đang thực sự làm cho thị trường mất ổn định, và thiếu công bằng trong phân phối lợi nhuận của cả chuỗi giá trị.

Người dân trồng lúa ĐBSCL đa dạng về điều kiện canh tác, trình độ canh tác, nhu cầu kỹ thuật và khả năng đầu tư. Tham gia vào hệ thống hỗ trợ đổi mới kỹ thuật với vai trò là người tiếp nhận, người trồng lúa thực sự đang thực sự bị động giữa các mối quan tâm khác nhau của các chủ thể. Khi bị đẩy vào thế bị động, người nông dân áp dụng đổi mới kỹ thuật một cách ‘đổi phó’ để đáp ứng chính mối quan tâm của họ về vì lợi nhuận tức thời mà không đến tính bền vững của sản xuất lúa. Tính bảo thủ, xu hướng cạnh tranh năng suất trong xã hội nông nghiệp, và tư tưởng trông chờ vào hỗ trợ từ nhà nước là những thách thức để các đổi mới kỹ thuật phù hợp có thể lan tỏa trong cộng đồng.

Có thể thấy hệ thống hỗ trợ đổi mới kỹ thuật đang vận hành theo cơ chế ‘nửa nhà nước nửa thị trường, tạo ra sự lệch pha giữa một nửa hệ thống vận hành dưới sự quản lý điều tiết của nhà nước và nửa còn lại vận hành theo qui luật của thị trường. Nhà nước vừa tham gia vào với trò quản lý điều tiết thị trường và trực tiếp tham gia vào các khâu cung ứng, sản xuất, tiêu thụ. Do vậy, chức năng tạo hành lang thông thoáng và liên kết các chủ thể trong dự án sẽ

bị hạn chế do mâu thuẫn với lợi ích kinh tế của chính mình. Vậy vấn đề mấu chốt là thiếu tính liên kết trong hệ thống hỗ trợ áp dụng đổi mới kỹ thuật trong sản xuất lúa.

Trong khuôn khổ thông tin thu thập được ở Bạc Liêu, những đổi mới kỹ thuật giới thiệu để thích ứng với BĐKH bao gồm 1) ngập khô xen kẽ trên nền 1 phải năm giảm, 2) giống lúa chịu mặn cho vùng lúa – tôm, và 3) cánh đồng mẫu lớn. Trong các đổi mới này, ngập khô xen kẽ trên nền 1 phải năm giảm được đánh giá là phù hợp về mặt kỹ thuật, nguồn lực con người, xã hội, tự nhiên, và cơ sở hạ tầng và với sinh kế bền vững của người dân ở những vùng chuyên canh lúa có sản xuất lúa vụ đông xuân. Các đơn vị thuộc hệ thống hỗ trợ đổi mới kỹ thuật trong sản xuất lúa ở tỉnh Bạc Liêu đã tiếp tục lồng ghép chuyển giao biện pháp ‘ngập khô xen kẽ’ vào những chương trình khuyến cáo kỹ thuật khác như ‘cánh đồng mẫu lớn’ và ‘1 phải 5 giảm’ được triển khai bằng nguồn ngân sách của nhà nước.

Có thể nói không một kỹ thuật đơn lẻ nào có thể giúp người nông dân cải tiến sản xuất trong điều kiện hiện nay. Để nhân rộng chiến lược nhân rộng các đổi mới kỹ thuật phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu ở ĐBSCL của chương trình CCCEP cần quan tâm đến các giải pháp về mặt tổ chức và các giải pháp kỹ thuật. Về mặt tổ chức, chương trình CCCEP cần có cách tiếp cận đa chiều ‘xuất phát từ mối quan tâm chung của các bên liên quan’ để có thể tạo được những tác động đa cấp làm tiền đề cho sự thay đổi của hệ thống. Về mặt kỹ thuật, chương trình CCCEP nên áp dụng phương pháp khuyến nông theo nhu cầu và có sự tham gia của người dân và xây dựng mối liên kết bền đôi bên cùng có lợi giữa người nông dân và doanh nghiệp.

Các giải pháp cụ thể trong chiến lược nhân rộng các đổi mới kỹ thuật canh tác lúa thích ứng với biến đổi khí hậu bao gồm: 1) Xây dựng bộ tài liệu/hướng dẫn các kỹ thuật canh tác lúa thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, 2) Xây dựng chương trình chuyển giao đổi mới kỹ thuật canh tác lúa thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng tiếp cận ‘xuất phát từ mối quan tâm chung’, 3) Xây dựng và khuyến nghị chính sách về chương trình chuyển giao đổi mới kỹ thuật theo hướng tiếp cận ‘xuất phát từ mối quan tâm chung’ cho chính quyền các cấp trung ương và địa phương, 4) tăng cường năng lực cho các đơn vị chức năng ở địa phương tham gia triển khai chương trình, và 5) Tăng cường liên kết hợp tác giữa các tỉnh trong chương trình CCCEP.

I. Giới thiệu chung

Biến đổi khí hậu đã gây ra những thay đổi rõ nét tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Những năm gần đây, sản xuất lúa của Đồng bằng Sông Cửu Long chịu những ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu như bão lụt không theo qui luật, mưa trái mùa, hạn kéo dài và hạn hán cục bộ vào đầu và cuối mùa mưa, đỉnh triều cường cao, xâm nhập mặn mạnh. Những tác động này đã làm cho nhiều diện tích trồng lúa bị nhiễm mặn tăng nhanh với độ mặn ngày càng cao. Nhiều diện tích trồng lúa trước đây đã không còn sử dụng được do độ mặn quá cao. Dự đoán sẽ có nhiều diện tích lúa tôm không thể sử dụng để trồng lúa trong thời gian tới do tốc độ nhiễm mặn. Cây lúa, một trong những cây chủ lực trong nông nghiệp của Đồng bằng Sông Cửu Long đã, đang và sẽ chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu, ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế chung và sinh kế của người dân.

Trong bối cảnh trên, nhiều dự án của GIZ ở các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long đã triển khai các hoạt động giới thiệu những đổi mới kỹ thuật sản xuất lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu. Chương trình Biến đổi Khí hậu và các Hệ sinh thái Ven biển (CCCEP) bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2012 tập trung vào 4 lĩnh vực (Hợp phần): (1) Quản trị vùng ven biển, (2) Quản lý vùng, (3) Sinh kế Bền Vững, and (4) Nhận thức Môi trường. Hợp phần Sinh kế Bền vững đã giới thiệu một số giống lúa chịu mặn và kỹ thuật canh tác mới ngập khô xem kẽ cho cây lúa ở tỉnh Bạc Liêu để thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu. Trong thời gian tới, Hợp phần Sinh kế bền vững có kế hoạch chuyển giao những kỹ thuật phù hợp với canh tác lúa trong điều kiện tác động của biến đổi khí hậu cho nông dân. Mục tiêu của Hợp phần đặt ra là chuyển giao các kỹ thuật này một cách bền vững, tăng thu nhập, đảm bảo sinh kế cho người dân trồng lúa và góp phần vào giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Xác định và tổ chức triển khai nhân rộng những kỹ thuật phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay là một trong những hoạt động mấu chốt để giúp người dân đảm bảo sinh kế bền vững.

Hoạt động *‘đánh giá tính phù hợp của các kỹ thuật mới trong sản xuất lúa chịu tác động biến đổi khí hậu và xây dựng giải pháp tổ chức nhân rộng ở các tỉnh thuộc chương trình CCCEP’* được tiến hành nhằm:

- Phân tích hiện trạng và đánh giá khả năng cung cấp vật tư và hoạt động khuyến nông cho nông dân vùng lúa
- Đánh giá tính phù hợp về kinh tế và kỹ thuật của một số biện pháp kỹ thuật và giống chịu mặn được giới thiệu vào các tỉnh của CCCEP trong thời gian qua
- Xây dựng các giải pháp tổ chức nhân rộng các biện pháp kỹ thuật phù hợp

Hoạt động này do chuyên gia tư vấn độc lập tiến hành từ 15/1/2013 đến 27/2/2013 với sự hỗ trợ của Hợp phần Lúa, Dự án thích ứng với Biến đổi khí hậu thông qua thúc đẩy đa dạng sinh học tại tỉnh Bạc Liêu (gọi tắt là Dự án GIZ Bạc Liêu) (Xem chi tiết ở phụ lục 1). Chuyên gia tư vấn đã thu thập thông tin từ các nguồn cung cấp khác nhau như các thành phần tham gia dự án, đối tác và các đơn vị triển khai dự án ở địa phương, thăm điểm mô hình (xem chi tiết ở phụ lục 2). Cụ thể là chuyên gia tư vấn đã nghiên cứu tài liệu liên quan đến hoạt động của dự án, thảo luận với đại diện của các cơ quan đối tác ở Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư, Chi cục bảo vệ thực vật và các đơn vị trực thuộc ở huyện, phỏng vấn nông dân và nhóm nông dân tham gia vào các hoạt động của hợp phần Lúa của dự án GIZ Bạc Liêu. Nội dung đề cập trong các cuộc họp và phỏng vấn với các bên liên quan được thể hiện ở phụ lục 2. Hội thảo tham vấn với các đối tác của CCCEP ở các tỉnh Trà Vinh, Tiền Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã được tổ chức để thảo luận về tính khả thi của đề xuất giải pháp nhân rộng kỹ thuật canh tác lúa mới thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

Dựa vào thông tin thu thập ở tỉnh Bạc Liêu, báo cáo đánh giá gồm 4 nội dung chính: (1) tình hình sản xuất lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu, (2) nguồn lực và khả năng của hệ thống các đơn vị thực hiện chức năng hỗ trợ hoạt động sản xuất lúa, (3) sự phù hợp của những sáng kiến kỹ thuật canh tác lúa thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, và (4) Đề xuất giải pháp nhân rộng sáng kiến kỹ thuật phù hợp cho các tỉnh thuộc chương trình CCCEP.

II. Tình hình sản xuất lúa ở trong điều kiện biến đổi khí hậu

Ở các tỉnh thuộc Chương trình CCCEP, sản xuất lúa chịu tác động rất lớn từ các yếu tố như mức độ và thời gian nhiễm mặn, thời gian và lượng mưa, hệ thống thủy lợi, chính sách an ninh lương thực và thu nhập của người dân. Lượng mưa thấp vào mùa khô (tháng 12 đến tháng 4) đồng nghĩa với việc mức độ nhiễm mặn cao (tháng 1 đến tháng 6) và ngược lại. Độ mặn của nước trong các kênh tưới tiêu tăng nhanh và đạt tới mức đỉnh vào tháng 4 – tháng 5 khi dòng chảy của sông Mê Kông ở mức thấp nhất. Thời gian và độ mặn của từng vùng phụ thuộc vào khoảng cách của vùng đó với cửa sông, hệ thống tưới tiêu, và các công ngăn mặn (Đặng Kiều Nhân và cộng sự, 2011). Trong điều kiện này, có hai hệ thống canh tác lúa chính: (1) hai hoặc ba vụ lúa trong năm trên vùng nước ngọt chuyên lúa, và (2) 1 vụ lúa, 1 vụ tôm ở những vùng nước lợ. Ngoài ra diện tích nuôi tôm sú nước lợ có thể chuyển đổi sang hệ thống canh tác lúa-tôm và ngược lại. Sự chuyển đổi này phụ thuộc vào các yếu tố như điều kiện thời tiết và độ mặn từng năm, biến động của giá tôm và giá lúa, và chính sách phát triển nông nghiệp của trung ương và địa phương. Diện tích của các hệ thống canh tác này ở các tỉnh thuộc Chương trình CCCEP được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Diện tích lúa ở các tỉnh thuộc chương trình CCCEP (số liệu năm 2011-2012)

Tỉnh	Diện tích (ha)		
	2-3 vụ lúa	Lúa-tôm	Tôm
An Giang	262.286	0	0
Kiên Giang	309.059	86.320	84.600
Sóc Trăng	125.156	19.000	48.000
Bạc Liêu	55.809	27.286	11.617
Cà Mau	86.969	43.544	205.000

Nguồn: trang web của Sở NN&PTNT các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau

Từ năm 2000, với chính sách đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp của chính phủ, người dân những vùng trồng lúa này đã chuyển đổi nhiều diện tích chuyên lúa sang nuôi tôm hoặc sang hệ thống canh tác lúa-tôm để tăng thu nhập. Sự chuyển đổi này dẫn đến việc diện tích nuôi tôm tăng bình quân 7% mỗi năm trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2008, kéo theo việc diện tích lúa giảm với tỷ lệ tương ứng (Đặng Kiều Nhân và cộng sự, 2011).

II.1 Hệ thống canh tác 2-3 vụ lúa

Hệ thống canh tác 2-3 vụ lúa thường phổ biến ở những vùng có độ cao tương đối so với mực nước biển, cách xa với các cửa sông và có hệ thống công ngăn mặn bao quanh. Tùy thuộc vào lượng nước ngọt, chân đất cao hay trũng, lúa có thể được trồng 3 vụ trên năm, hoặc 2 vụ lúa và 1 vụ màu, hoặc một vụ lúa và một vụ màu. Đối với diện tích 2-3 vụ lúa, người dân sử dụng chủ yếu là các giống lúa cao sản, lúa chất lượng cao, thời gian sinh trưởng ngắn từ 95 đến 105 ngày. Phương thức làm đất chủ yếu là sử dụng cơ giới dẫn đến hiện tượng tầng đất canh tác ngày càng nông. Người dân chủ yếu sạ lúa bằng tay hoặc xạ hàng bằng máy. Trong những năm gần đây, lượng lúa giống khi xạ giảm nhiều, trung bình từ 5-7 kg/ha do khuyến cáo về kỹ thuật xạ thưa. Lượng phân bón cũng như sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cũng giảm hơn so với trước do khuyến cáo từ các chương trình tập huấn kỹ thuật của hệ thống khuyến

nông và bảo vệ thực vật. Người dân nhận thức rằng giảm giống và bón phân cân đối giúp cây lúa sinh trưởng phát triển tốt, có khả năng chống chịu bệnh cao, năng suất tăng lên trong khi tiết kiệm được chi phí đầu vào. Năng suất lúa dao động từ 7 – 8 tấn/ha ở vụ đông xuân và 5-6 tấn/ha ở vụ hè thu.

Với tác động của biến đổi khí hậu, diện tích trồng lúa ở vùng này đang đối mặt với các nguy cơ: 1) thiếu nước ngọt cho canh tác lúa, đặc biệt là vụ Đông Xuân, 2) hạn cục bộ do mưa thất thường, 3) xâm nhập mặn ở một số vùng ven với vùng mặn do triều cường dâng cao, và 4) ngập úng khi mức nước tăng cao. Kèm theo đó, một số giống địa phương và giống cao sản đã được sử dụng nhiều năm ở vùng này đang bị thoái hóa, năng suất giảm đáng kể. Do vậy, để duy trì và phát triển cây lúa một cách bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu ở vùng này cần những yếu tố sau:

- Nâng cao chất lượng giống thông qua phục tráng các giống lúa địa phương và các giống lúa đã được canh tác lâu năm, có khả năng thích ứng cao với điều kiện địa phương,
- Có biện pháp canh tác hợp lý nhằm cắt giảm chi phí, tiết kiệm nước và hạn chế tác động đến môi trường, và
- Xây dựng các biện pháp kỹ thuật canh tác hợp lý trên đất ngập úng và đất nhiễm mặn.

II.2 Hệ thống canh tác lúa-tôm

Hệ thống canh tác lúa-tôm chủ yếu phổ biến ở vùng ven biển, những vùng gần với nguồn nước mặn với thời gian có thể lên tới 8 tháng trong năm. Trên những vùng đất này, lúa được trồng từ tháng 8 đến tháng 12, sau đó người dân sẽ tiếp tục thả tôm sú cho đến vụ sau. Nông dân thường sử dụng giống lúa địa phương, thích nghi cao với điều kiện mực nước lớn, mặn và phèn cao. Quá trình sinh trưởng và phát triển của lúa thường chịu tác động của mặn trong thời gian đầu và cuối mùa mưa do lượng mưa thấp và xì mặn từ trong đất hoặc nhiễm mặn từ cửa sông. Do đó, các biện pháp cải tạo đất thau chua rửa mặn cho đất trước khi sạ, bón phân và vôi hợp lý và quản lý nước trong các kỳ sinh trưởng phát triển, đặc biệt thời kỳ lúa lúa đứng cái là các kỹ thuật quan trọng quyết định đến năng suất của lúa.

Khoảng 5 năm lại đây, mô hình canh tác 1 vụ lúa và 1 vụ tôm được nhiều người dân áp dụng vì giá tôm trên thị trường giảm mạnh và mất mùa vụ tôm do dịch bệnh. Tuy nhiên, người dân chưa thực sự xem trồng lúa như là một nguồn thu nhập và chủ yếu để cải tạo đất, hạn chế dịch bệnh và cung cấp nguồn thức ăn cho tôm ở vụ sau. Một trong những lý do chính là tính rủi ro của vụ lúa tương đối cao do: 1) không chủ động được nguồn nước mà chỉ phụ thuộc hoàn toàn vào điều tiết nước ngọt của địa phương, 2) chưa có giống thích hợp, có khả năng chịu mặn, phèn, hạn cao và thời gian sinh trưởng ngắn phù hợp với xuống giống cho vụ tôm, 3) dự báo lịch thời vụ dựa vào điều kiện thời tiết của vùng, nên khi xuống 1 số địa phương cụ thể không phù hợp, làm cho người dân ngần ngại trong quyết định có trồng lúa hay không. Trong điều kiện tác động của biến đổi khí hậu như hiện nay, diện tích trồng lúa này đang đối mặt với các nguy cơ như: 1) độ mặn ngày càng tăng cao, dẫn đến diện tích lúa tôm có thể bị giảm xuống, 2) rủi ro mất trắng lớn do thời tiết thất thường, dẫn đến sự chán nản trong dân. Do vậy, để duy trì và phát triển cây lúa ở vùng này cần:

- Lịch thời vụ có độ phù hợp cao với địa phương và được thông báo sớm nhất có thể,
- Điều tiết nước hợp lý theo kế hoạch 6 tháng ngọt, 6 tháng mặn,
- Có các giống chịu mặn, phèn, hạn và thời gian sinh trưởng ngắn, và
- Có biện pháp canh tác hợp lý nhằm cắt giảm chi phí, rửa mặn tối đa, và hạn chế tác động đến môi trường.

II.3 Tình hình sản xuất hiện nay

Sản xuất lúa ở Đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay đang đối mặt với ảnh hưởng tiêu cực mang tính dây chuyền đến toàn bộ hệ thống từ người trồng lúa-thu mua-chế biến đến xuất khẩu lúa gạo. Liên kết chuỗi giá trị lỏng lẻo và phân bố giá trị thiếu cân bằng dẫn đến sản xuất lúa ở ĐBSCL chưa theo kịp với tiêu chuẩn sản xuất hàng hóa xuất khẩu, thiếu tính bền vững về mặt môi trường, kinh tế và xã hội. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến ảnh hưởng tiêu cực mang tính dây chuyền này.

Yếu tố thứ nhất liên quan đến *phương thức sản xuất*. Sản xuất lúa ở nông hộ nhìn chung là “tự sản xuất, tự tiêu” với qui mô kinh tế nhỏ, thuần nông. Do vậy, tăng năng suất và sản lượng lúa chủ yếu nhờ vào kỹ thuật thâm canh và tăng vụ. Hiện tại, thâm canh và tăng vụ để tăng năng suất đã đạt đến ngưỡng tối đa. Các yếu tố có thể hỗ trợ tăng năng suất đã được sử dụng hết công suất. Do vậy, tốc độ gia tăng giá trị sản xuất lúa đã chững lại. Việc phát triển lúa dựa trên mở rộng diện tích và qui mô lao động là khó thực hiện.

Yếu tố thứ hai liên quan đến *trình độ kỹ thuật canh tác* của người dân. Có thể thấy có hai loại vùng canh tác chính đi kèm với hai loại trình độ kỹ thuật thâm canh khác nhau. Ở những vùng chuyên lúa, trình độ kỹ thuật thâm canh của người dân đã được nâng cao rõ rệt. Tuy nhiên, người dân chủ yếu thâm canh theo xu hướng tăng năng suất. Họ chưa thực sự quan tâm đến tăng chất lượng sản phẩm và tăng lợi nhuận trong khi hai yếu tố này quyết định đến sự bền vững của sản xuất lúa hàng hóa. Ở vùng bán chuyên canh lúa hay vùng sâu vùng xa, trình độ sản xuất của người dân còn thấp, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và tập quán canh tác cũ. Sự chênh lệch về trình độ canh tác cũng như xu hướng áp dụng kỹ thuật chạy theo năng suất dẫn đến thực tế sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu của nền nông nghiệp hàng hóa và xuất khẩu như hiện nay về mặt chất lượng.

Yếu tố thứ ba liên quan đến *cung ứng vật tư đầu vào* cho sản xuất lúa. Thị trường cung ứng này hoạt động sôi động về cả chủng loại, chất lượng sản phẩm, giá cả cũng như là hình thức phân phối. Mặc dù nhiều đơn vị cung ứng vật tư tiếp cận người nông dân chào bán nhiều loại sản phẩm khác nhau, nhưng giá cả của các mặt hàng này hầu như không ngừng tăng trong các năm qua. Thêm nữa, chất lượng sản phẩm không đảm bảo và thiếu tính ổn định. Nhiều sản phẩm không rõ nguồn gốc. Việc thực hiện cung cấp sản phẩm qua hệ thống phân phối nhiều cấp dẫn đến đội giá bán sản phẩm lên cao. Người dân trồng lúa bị đưa vào thế bị động và phụ thuộc hoàn toàn vào hệ thống cung ứng vật tư này. Điều này ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận từ sản xuất lúa cũng như gây ra những tác động xấu cho môi trường.

Yếu tố thứ tư liên quan đến *điều kiện thời tiết và sâu bệnh*. Với tác động của biến đổi khí hậu, tình trạng hạn hán giảm nhưng mức ngập mặn tăng, dẫn đến mức độ nhiễm mặn tăng và thu hẹp dần diện tích trồng lúa. Thêm nữa, mực nước sông Mê Kông xuống thấp, lũ ít xuất hiện ở Đồng bằng sông Cửu Long dẫn đến lượng phù sa bồi đắp hầu như không có và hệ thống thủy lợi gặp nhiều khó khăn. Thời tiết thất thường cũng dẫn đến dịch bệnh gia tăng, khó kiểm soát hơn. Những yếu tố này tác động đến giảm năng suất và sản lượng lúa ở vùng Đồng Bằng sông Cửu Long.

Yếu tố thứ năm liên quan đến *thu mua, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm*. Công nghệ thu hoạch, chế biến, bảo quản còn lạc hậu không theo kịp với sự phát triển khối lượng nông sản nên không hỗ trợ cho nông sản gia tăng tính cạnh tranh. Thêm nữa, việc kiểm soát chất lượng sản phẩm cũng như điều tiết giá cả là điều khó thực hiện được khi có và thương lái đang độc quyền chi phối khâu thu mua lúa từ người dân. Tuy có và thương lái góp phần tích cực vào hệ thống lưu thông hàng hóa, cũng không thể không nói đến tác động tiêu cực của họ đến việc tăng chi phí phụ trội cho giá trị sản xuất lúa và giảm chất lượng hàng hóa. Thị trường tiêu thụ sản phẩm đang gặp khó khăn, giá lúa thấp kéo dài nhiều năm, tuy có tăng trong vài năm gần đây nhưng lại không ổn định. Người trồng lúa bị rơi vào vòng luẩn quẩn, càng ngày

càng gặp nhiều khó khăn khi gia tăng sản lượng và chất lượng lúa. Thu nhập thực tế của nông dân trồng lúa giảm nhiều.

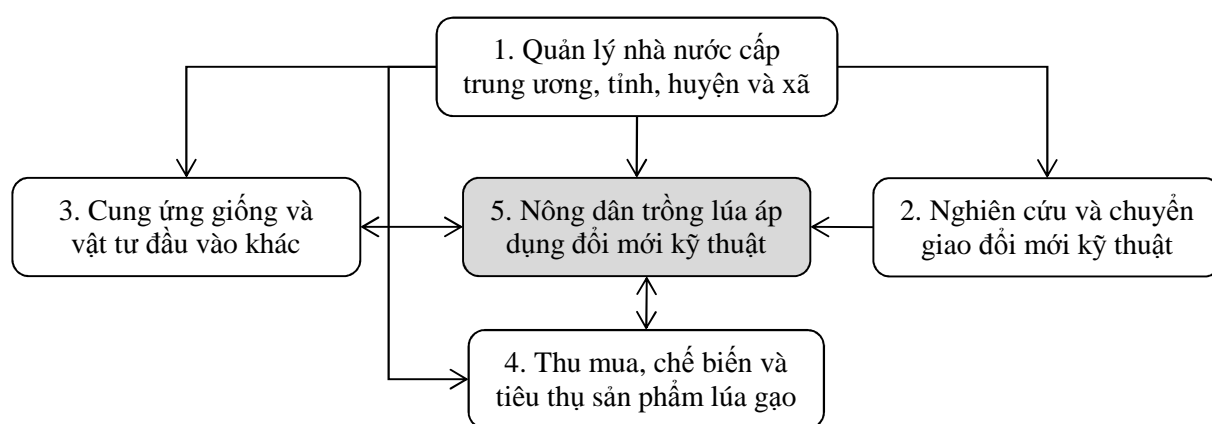
Yếu tố thứ sáu liên quan đến *quản lý vĩ mô*. Công tác qui hoạch và tổ chức sản xuất ở tầm vĩ mô còn thể hiện nhiều bất cập. Nhà nước vẫn đặt mục tiêu sẽ tiếp tục giữ ổn định diện tích lúa và tăng diện tích vụ 3, tăng năng suất lúa bình quân và sản lượng cả năm, và gia tăng chất lượng lúa gạo xuất khẩu. Phong trào thực hiện cánh đồng mẫu lớn ứng dụng các giải pháp tiến bộ kỹ thuật mới để hướng đến hiện đại hóa sản xuất lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu đang được khuyến cáo rộng rãi ở đồng bằng Sông Cửu Long. Tuy nhiên, sản xuất theo mô hình cánh đồng mẫu này vẫn chủ yếu tập trung vào yếu tố đầu tư về cơ sở hạ tầng đê bao và áp dụng kỹ thuật để tăng năng suất. Trong khi đó khâu liên kết và điều tiết thị trường thì vẫn chưa được đầu tư thỏa đáng. Những định hướng theo tư duy duy ý chí, chạy theo chỉ tiêu về số lượng và năng suất mà không xem xét kỹ điều kiện thực tế đã đẩy ngành sản xuất lúa vào vòng luẩn quẩn. Sự yếu kém này tạo một khoảng cách lớn hơn giữa sản xuất và các khâu còn lại trong quá trình lưu thông hàng hóa.

Trong bối cảnh sản xuất như trên, việc nhân rộng đổi mới kỹ thuật phù hợp vào sản xuất Trong bối cảnh sản xuất như trên, việc nhân rộng đổi mới kỹ thuật phù hợp vào sản xuất lúa trong điều kiện BĐKH ở các tỉnh thuộc chương trình CCCEP cần quan tâm đến bối cảnh tổng thể chứ không thể chỉ tập trung chủ yếu vào yếu tố kỹ thuật. Rõ ràng không một kỹ thuật đơn lẻ nào có thể giải quyết được vấn đề đang tồn tại ở sản xuất lúa gạo hiện nay. Thay vào đó, cần có những giải pháp đồng bộ về tổ chức sản xuất để giúp người dân trồng lúa một cách bền vững, đảm bảo sinh kế của mình.

III. Nguồn lực và khả năng của hệ thống hỗ trợ áp dụng đổi mới kỹ thuật vào sản xuất lúa

Hệ thống hỗ trợ áp dụng đổi mới kỹ thuật vào sản xuất lúa bao gồm các đơn vị thuộc khối nhà nước và tư nhân, thực hiện các chức năng khác nhau (Sơ đồ 1). Hệ thống này bao gồm năm nhóm đơn vị tham gia với với trò tương ứng:

- 1) nhóm các đơn vị thuộc khối nhà nước chịu trách nhiệm về công tác quản lý nhà nước,
- 2) nhóm các cơ quan chịu trách nhiệm nghiên cứu và chuyển giao đổi mới kỹ thuật cho người dân,
- 3) nhóm các đơn vị nhà nước và tư nhân tham gia cung ứng vật tư đầu vào cho sản xuất lúa,
- 4) nhóm các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân tham gia thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo, và
- 5) Người dân trồng lúa tiếp nhận và áp dụng các đổi mới kỹ thuật



Sơ đồ 1: Hệ thống hỗ trợ áp dụng đổi mới kỹ thuật vào sản xuất lúa

Hiện tại, mỗi tương tác giữa nhóm 1 với nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 đều mang tính một chiều, áp đặt thông qua chủ trương và chính sách phát triển sản xuất và tiêu thụ lúa gạo. Từ đó, tương tác giữa nhóm 2 và nhóm 5 cũng mang tính áp đặt một chiều. Tương tác nhóm 5 và nhóm 3, nhóm 4 có tính chất hai chiều theo nguyên tắc cung cầu trên thị trường. Điều này cho thấy hệ thống này đang được vận hành theo tổ hợp các cơ chế nhà nước quản lý và thị trường điều phối hay có thể gọi là tổ hợp cơ chế ‘bán thị trường’.

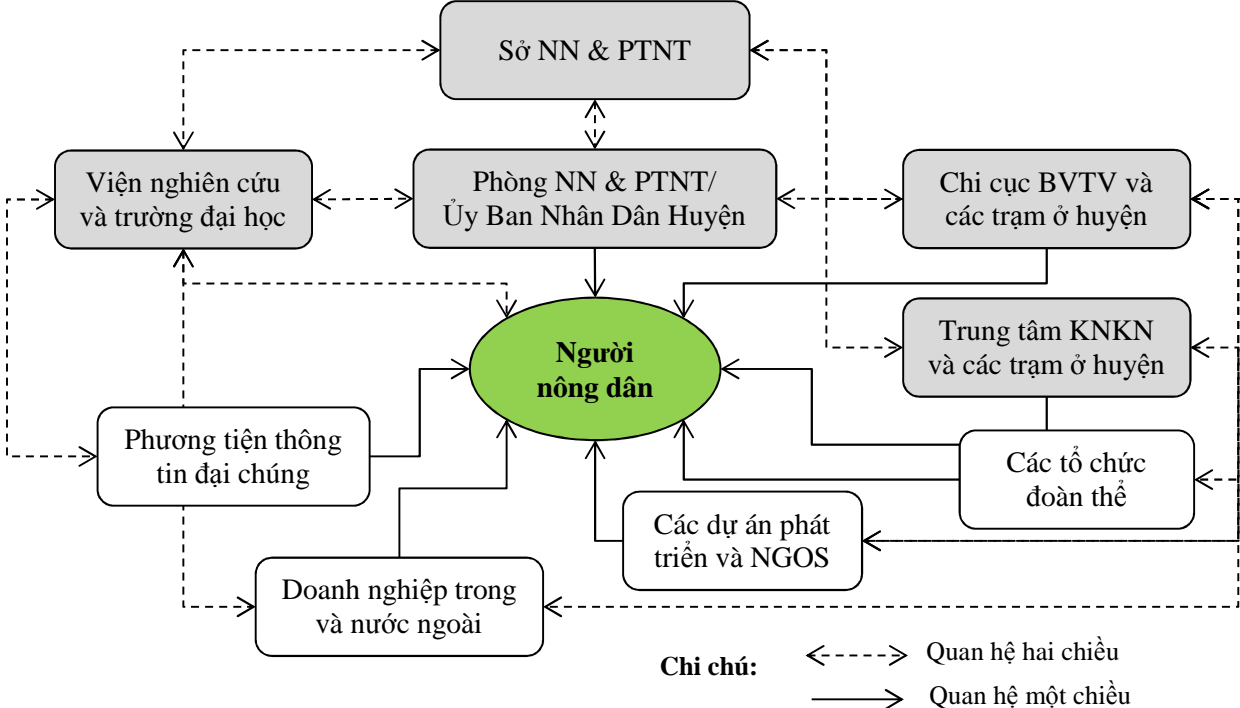
III.1 Hệ thống quản lý nhà nước

Hệ thống các đơn vị trực tiếp tham gia vào công tác quản lý bao gồm Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chỉ đạo xuống sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Sở NN&PTNT). Ở cấp tỉnh, Sở NN&PTNT là cơ quan trực tiếp chỉ đạo sản xuất và điều phối các đơn vị trực thuộc tham gia vào các hoạt động quản lý như Chi cục Bảo vệ Thực vật, Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư, Trung tâm giống Nông nghiệp. Hệ thống các đơn vị cấp huyện như phòng Nông Nghiệp huyện, Trạm khuyến nông, Trạm Bảo vệ thực vật trực tiếp tiến hành các hoạt động ở địa phương với sự tham gia của chính quyền xã và ấp. Vai trò của hệ thống này là thực hiện quản lý của nhà nước bao gồm các nhiệm vụ và chức năng như định hướng phát triển chung và qui hoạch vùng sản xuất, chỉ đạo sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng lịch thời vụ và điều tiết nước tưới tiêu, kiểm soát dịch bệnh, và quản lý và tham gia vào hoạt động phát triển và chuyển giao khoa học kỹ thuật và cung ứng vật tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Nhà nước có vai trò quyết định trong việc vạch định các cơ chế, chính sách đối với sản xuất nông nghiệp. Cho đến nay, hệ thống quản lý nhà nước tập trung chủ yếu vào đầu tư xây dựng công trình giao thông và thủy lợi để hỗ trợ cho sản xuất, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân, và tham gia vào kinh doanh nông sản hàng hóa, các dịch vụ cung cấp vật tư đầu cho cây lúa. Chức năng tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ cho sản xuất lúa gạo chưa được thực hiện một cách có hiệu quả. Một lý do chính là khi nhà nước trực tiếp tham gia vào các khâu cung ứng, sản xuất, tiêu thụ thì chức năng tạo hành lang thông thoáng sẽ bị hạn chế do mâu thuẫn với lợi ích kinh tế của chính mình. Để thực sự hỗ trợ sản xuất, nhà nước cần tập trung hơn nữa dự báo và định hướng thị trường xuất khẩu lúa gạo, điều phối các bên tham gia vào thị trường (đặc biệt là thị trường xuất khẩu), và xây cơ sở pháp lý về quản lý thị trường. Thêm nữa, nhà nước cần tập trung vào chức năng điều phối và liên kết các ban ngành liên quan để thúc đẩy sự phối hợp và hợp tác trong hệ thống nhà nước và giữa hệ thống nhà nước và tư nhân. Khu vực kinh tế tư nhân cần được khuyến khích tham gia thị trường lúa gạo, góp sức cùng kinh tế nhà nước nhằm đẩy nhanh lưu thông lúa hàng hóa, nâng cao giá trị lúa gạo. Cần có những chế tài cụ thể để tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và tư nhân.

III.2 Hệ thống cung cấp kiến thức khoa học kỹ thuật

Hệ thống này có sự tham gia của các đơn vị thuộc cả khối nhà nước và khối tư nhân (Sơ đồ 2). Các đơn vị thuộc khối nhà nước như viện nghiên cứu và trường đại học, Chi cục BVTV và các trạm trực thuộc ở huyện, Trung tâm KNKN và các trạm trực thuộc huyện, Các phòng NN & PTNT huyện, phương tiện thông tin đại chúng (thể hiện bằng hộp có nền ghi xám ở sơ đồ 2). Các đơn vị thuộc khối tư nhân bao gồm các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp trong và ngoài nước, các dự án hợp tác phát triển và NGOs (thể hiện bằng hộp có nền trắng ở sơ đồ 2). Hệ thống này thực hiện hai chức năng chủ yếu: 1) nghiên cứu phát triển những đổi mới kỹ thuật và 2) chuyển giao đổi mới kỹ thuật cho người dân. Hoạt động của các đơn vị này tại địa phương đều chịu quản lý của Sở NN & PTNT của tỉnh.



Sơ đồ 2. Hệ thống cung cấp đổi mới kỹ thuật cho người dân trồng lúa

Các viện nghiên cứu và trường đại học

Các viện nghiên cứu và trường đại học trong đó Viện Lúa Đồng Bằng sông Cửu Long, Trường đại học Cần Thơ là những đơn vị có nhiều hoạt động và kết quả nghiên cứu phục vụ cho sản xuất lúa ở vùng này. Những năm gần đây, để phục vụ chính sách an ninh lương thực và phát triển sản xuất lúa hàng hóa xuất khẩu, các đơn vị đã triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu ứng dụng tập trung ở vùng ĐBSCL. Họ trực tiếp kết hợp với các Sở NN&PTNT, các đơn vị trực thuộc Sở, các phòng NN&PTNT huyện triển khai khảo sát những giống lúa chịu mặn, những thí nghiệm về phân bón, kiểm soát dịch bệnh trên cây lúa, áp dụng mô hình kỹ thuật canh tác hợp lý... Những kết quả nghiên cứu thành công được chuyển giao cho các cơ quan quản lý nhà nước để tiếp tục đưa vào sản xuất. Ngoài ra, hệ thống này cũng tiến hành những nghiên cứu theo đơn đặt hàng của địa phương, giải quyết nhu cầu cấp thiết mà địa phương đang gặp phải. Họ cũng có những hợp tác với các đơn vị sản xuất và cung ứng vật tư đầu vào nhưng chủ yếu phục vụ mục đích tăng doanh số bán hàng của các đơn vị này. Các mối quan hệ này đều mang tính hợp tác hai chiều giữa cầu và cung (thể hiện bằng mũi tên hai chiều đứt đoạn ở sơ đồ 2). Nhìn chung, kết quả nghiên cứu theo đơn đặt hàng của địa phương và doanh nghiệp thường có khả năng ứng dụng hơn vào sản xuất.

Chi cục BVTV và Trung tâm KNKN

Chi cục BVTV và trung tâm KNKN là hai đơn vị trực thuộc Sở NN&PTNT chịu trách nhiệm chuyển giao đổi mới kỹ thuật cho người dân. Chi Cục BVTV có hệ thống các trạm BVTV đặt tại các huyện. Hệ thống chi cục và trạm BVTV thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về BVTV, kiểm dịch thực vật và chuyển giao kỹ thuật trồng trọt. Với chức năng chuyển giao khoa học kỹ thuật, vì là đơn vị hỗ trợ thực hiện chức năng quản lý nhà nước, hệ thống BVTV cung cấp tập trung khuyến cáo kỹ thuật canh tác như xử lý giống, bón phân, kiểm soát sâu bệnh và sử dụng thuốc BVTV đúng cách, những kỹ thuật phục vụ cho chủ trương chính sách phát triển nông nghiệp của chính phủ. Các kỹ thuật canh tác lúa mà Chi cục BVTV (ví dụ ở tỉnh Bạc Liêu) đang khuyến cáo hiện nay là '1 phải 5 giảm' dựa vào các biện pháp canh tác theo tiêu chuẩn VietGAP và cánh đồng mẫu lớn do Bộ NN&PTNT chỉ đạo. Các kỹ thuật này chủ yếu dựa trên nền của chương trình IPM và 3 giảm 3 tăng được chuyển giao cho nông dân từ đầu những năm 2000. Một ưu điểm của hệ thống này là sử dụng phương pháp chuyển giao khoa học kỹ thuật có sự tham gia của người dân. Từ những năm đầu 2000, hệ thống này được tiếp cận với chương trình IMP do FAO tài trợ. Chương trình này sử dụng phương pháp tập huấn cho nông dân tại hiện trường (FFS). Phương pháp này tập huấn có tương tác hai chiều trực tiếp trên mô hình điểm, huy động được sự tham gia tích cực của người dân vào chia sẻ kinh nghiệm và xử lý kiến thức từ tập huấn để áp dụng. Do trực tiếp triển khai chương trình IPM quốc gia, hầu cán bộ của hệ thống BVTV được tiếp cận và sử dụng phương pháp này. Áp dụng phương pháp này giúp người dân dễ hiểu và tiếp thu kỹ thuật khuyến cáo hơn, dẫn đến khả năng áp dụng cao hơn.

Trung tâm KNKN cũng có hệ thống các trạm KNKN tại các huyện. Ở nhiều tỉnh có cán bộ khuyến nông xã hoạt động ngay tại địa bàn. Hệ thống KNKN thực hiện các chức năng chính như tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về chủ trương chính sách của đảng về phát triển nông nghiệp và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người dân. Hệ thống khuyến nông chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật thông qua các hình thức như tập huấn đại trà sử dụng thuyết trình đi kèm với phát tài liệu, tập huấn theo chuyên đề cây con cụ thể và theo mô hình, xây dựng mô hình trình diễn đi kèm với hội thảo đầu bờ, chương trình khuyến nông trên đài trực tiếp trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nhìn chung, các hình thức này đều mang tính truyền đạt một chiều và không huy động được sự tham gia tích cực của người dân vào quá trình chuyển giao. Từ năm 2010 khi nhà nước ban hành cơ chế quản lý

ngân sách cho hoạt động khuyến nông theo hình thức đấu thầu, trung tâm KNKN các tỉnh lại rơi vào tình trạng có ít kinh phí sự nghiệp, chờ việc.

Ngoài kinh phí hoạt động từ ngân sách của trung ương và tỉnh, hệ thống BVTV và KNKN còn hợp tác với các dự án nghiên cứu và phát triển, các tổ chức phi chính phủ NGOs, khối kinh tế tư nhân triển khai các hoạt động khuyến nông liên quan. Ví dụ như hệ thống BVTV và KNKN thường phối hợp với các dự án nghiên cứu và phát triển tiến hành các hoạt động tập huấn kỹ thuật cho người dân. Yêu cầu về kỹ thuật cần chuyển giao và mức kinh phí thường do các dự án đưa ra, dựa vào mục đích của dự án như cải thiện sinh kế bền vững của người dân và bảo vệ môi trường.... Với hình thức tương tự như vậy, hệ thống này cũng triển khai các hoạt động tập huấn và xây dựng mô hình trình diễn theo đơn đặt hàng của các đơn vị kinh doanh như các công ty thuốc BVTV, công ty phân bón, công ty giống. Hình thức hợp tác này chủ yếu dựa vào mục đích quảng bá và bán sản phẩm của các đơn vị kinh doanh.

Hoạt động khuyến nông của hệ thống BVTV và KNKN tập trung vào chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho sản xuất hàng hóa, nhưng lại không quan tâm nhiều đến những vấn đề về thị trường và tiêu thụ sản phẩm. Họ mặc định rằng đổi mới kỹ thuật sẽ lan tỏa trong người dân (kể cả hộ nghèo) thông qua mô hình trình diễn và từ trên áp xuống. Một trong những hạn chế mang tính hệ thống của BVTV và KNKN là hướng tiếp cận của hệ thống này chủ yếu là theo yêu cầu mà chủ trương chính sách của nhà nước đưa ra, có khi có lồng ghép với mục đích quảng bá sản phẩm của các công ty cung ứng vật tư. Hệ thống này thường giới thiệu những cái 'mới' từ ngoài vào, và thường bỏ qua những kiến thức và kỹ thuật mà người nông dân đang sử dụng có hiệu quả và những yêu cầu mà người nông dân đang cần. Một ví dụ cụ thể là hiện nay, cánh đồng mẫu lớn đang được triển khai ở nhiều điểm ở các tỉnh CCCEP. Nhà nước đầu tư xây dựng đê bao, hỗ trợ dân được vật tư để sản xuất một cách tập trung hơn trên diện tích lớn hơn, áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật. Tuy nhiên, người nông dân cũng cần được hỗ trợ từ nhà nước về dự báo và định hướng thị trường xuất khẩu lúa gạo, cơ chế liên kết giữa người sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo để giá lúa bán ra không bị quá thấp như hiện nay. Nhu cầu cấp thiết này lại chưa được quan tâm đến trong 'cánh đồng mẫu lớn'. Ngoài ra, hệ thống này chủ yếu chạy theo mục tiêu số lượng như tập huấn cho bao nhiêu nông dân, xây dựng được bao nhiêu mô hình, mà ít quan tâm đến các chỉ tiêu về chất lượng như hiệu quả của tập huấn đến áp dụng kỹ thuật của người dân, đến tăng thu nhập và đến đảm bảo sinh kế bền vững của họ. Chính vì chạy theo mục tiêu về số lượng, họ ít đặt mục đích đáp ứng nhu cầu kỹ thuật của người dân lên hàng đầu. Hoạt động khuyến nông thường mang tính hình thức, nhiều người dân tham gia tập huấn nhưng thực sự không có nhu cầu. Hệ thống này còn có lực lượng mỏng và kinh phí hạn hẹp nên chỉ có thể triển khai tập huấn và mô hình ở một số điểm cho số ít nông dân. Cán bộ khuyến nông có chuyên môn về trồng trọt nhưng có ít kiến thức về kinh tế hộ, sinh kế bền vững và phương pháp khuyến nông. Kiến thức về hệ thống canh tác địa phương cũng hạn chế. Họ thường sử dụng hỗ trợ về vật tư và tiền để khuyến khích người dân tham gia, tạo ra một tư tưởng trông chờ hỗ trợ từ nhà nước trong người dân.

Các tổ chức đoàn thể

Các tổ chức đoàn thể như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân tham gia vào công tác khuyến nông chủ yếu thông qua chính sách 'xã hội hóa khuyến nông'. Họ có ngân sách cho khuyến nông từ huyện, tỉnh, và một phần từ khuyến nông quốc gia. Phương thức khuyến nông chủ yếu dựa vào nguyên tắc chia sẻ thông tin hơn là tập huấn. Hoạt động khuyến nông thường được họ tổ chức lồng ghép vào các sinh hoạt định kỳ. Hệ thống các tổ chức đoàn thể này có những mạng lưới xã hội rất tốt để chia sẻ kiến thức. Tuy nhiên, mạng lưới này hiện chưa được hệ thống BVTV và KNKN sử dụng một cách tối ưu. Mới chỉ có những kết hợp với hai đơn vị

này từ ràng buộc về ngân sách cấp từ khuyến nông quốc gia. Hoạt động khuyến nông ở các tổ chức này do vậy cũng chỉ dừng lại ở dạng hình thức.

Các dự án phát triển và NGOs

Các tổ chức này thường triển khai hoạt động khuyến nông trực tiếp ở địa phương và khuyến khích sử dụng hướng tiếp cận có sự tham gia. Họ thường kết hợp với hệ thống chính quyền cấp tỉnh, huyện, xã và các đơn vị chức năng trực thuộc khi triển khai. Kiến thức bản địa cũng như điều kiện thực tế của địa phương được họ kết hợp vào các hoạt động nhằm đáp ứng được nhu cầu của người nông dân. Các hoạt động chủ yếu là lập kế hoạch thôn bản có sự tham gia, tổ chức tập huấn kỹ thuật, xã hội vào thị trường cho đối tượng người nghèo, đổi mới kỹ thuật có sự tham gia của cộng đồng, mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao năng lực cho địa phương...

Hoạt động của những tổ chức này đạt được những thành công trong cải thiện phương pháp khuyến nông và sinh kế của người dân. Tuy nhiên những thành công này chỉ dừng lại ở qui mô thí điểm tại các địa phương và thường kết thúc ngay sau khi các dự án dừng tài trợ. Một trong những các lý do chính là các tổ chức này sử dụng đầu tư kinh phí với định mức lớn, vượt qua định mức tài chính của nhà nước. Sản phẩm/ thành công của các dự án thường phù hợp với người dân và cộng đồng địa phương nơi thử nghiệm, nhưng nhiều khi lại không phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp của nhà nước. Áp dụng những sản phẩm này nhiều khi quá đắt hoặc là không hợp với hệ thống nhà nước. Một lý do khác nữa là các dự án này thường huy động sự tham gia một cách thụ động của hệ thống nhà nước. Do vậy, quyền sở hữu chưa thực sự được giao vào tay của các cơ quan nhà nước. Ở một số dự án, quyền sở hữu thực sự được giao cho hệ thống nhà nước thông qua hình thức 'khoán kinh phí và hoạt động'. Trong quá trình triển khai ít có sự hỗ trợ về mặt chuyên môn và giám sát đánh giá. Điều này dẫn đến tình trạng hệ thống nhà nước sử dụng kinh phí để lồng ghép vào các hoạt động chuyên môn của họ. Sẽ là hợp lý và có hiệu quả trong việc nâng cao khả năng sử dụng các sản phẩm từ dự án phát triển nếu như dự án có những hỗ trợ và tham gia giám sát thiết thực trong quá trình triển khai, tránh hiện tượng thực hiện một cách hình thức. Cuối cùng, công tác vận động để khuyến nghị những thành công vào hoạch định chính sách chưa thực sự có được sự quan tâm đầu tư của các dự án và NGOs. Với khung thời gian triển khai của họ thường từ 3 đến 5 năm, việc vận động chính sách trong bối cảnh chính trị của Việt Nam là một thách thức lớn.

Doanh nghiệp trong và ngoài nước và tư nhân

Hệ thống này bao gồm các đại lý vật tư, các công ty thuốc BVTV và các công ty giống cây trồng. Các đại lý vật tư thường bán vật tư đi kèm với những thông tin liên quan đến sử dụng sản phẩm để khuyến khích người nông dân mua sản phẩm đó. Các công ty thuốc BVTV và giống cây trồng triển khai các hoạt động để quảng cáo cho sản phẩm của họ. Họ thường tập huấn, xây dựng mô hình trình diễn, phân phát tờ rơi, tổ chức các hội thảo, mời người dân tham gia để xem xét về các sản phẩm của mình. Các công ty cung ứng vật tư thường kết hợp với hệ thống BVTV và KNKN để tổ chức các hoạt động này nhằm tăng khả năng thuyết phục đối với người dân. Một số các công ty và đơn vị chế biến xuất khẩu lúa gạo cũng cung cấp các hoạt động khuyến nông đi kèm với 'ký hợp đồng sản xuất hàng hóa' hoặc hợp đồng 'sử dụng sản phẩm' với người nông dân. Họ thường có cán bộ trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật cho người dân ký hợp đồng với công ty. Các đơn vị này đang hoạt động tương đối năng động, phủ sóng tới nhiều đối tượng người dân. Tuy nhiên, mối quan tâm lớn nhất của họ là lợi nhuận bán hàng thay vì góp phần đảm bảo sinh kế bền vững của người dân và bảo vệ môi trường.

Phương tiện thông tin đại chúng

Phương tiện thông tin đại chúng trung ương, tỉnh, huyện tham gia vào các hoạt động khuyến nông thông qua hợp tác với BTVT, KNKN, viện nghiên cứu và trường đại học, các công ty cung ứng vật tư đầu vào. Hoạt động khuyến nông trên phương tiện thông tin đại chúng thường thông qua các chương trình chia sẻ và tuyên truyền về kinh nghiệm sản xuất của nông dân giỏi, những điển hình trong sản xuất hoặc những khuyến cáo kỹ thuật mới đi kèm với những giải đáp thắc mắc của người dân. Các chương trình khuyến nông này thường được phát sóng định kỳ hàng tuần hoặc hàng tháng. Rất nhiều người dân trồng lúa đề cập đến phương tiện thông tin đại chúng như là nguồn cung cấp thông tin chính cho những đổi mới kỹ thuật trong sản xuất của họ. Đặc thù của hình thức này là truyền thông một chiều, lượng thông tin nhiều và phát trong thời gian ngắn. Do vậy người dân lĩnh hội thông tin không đầy đủ. Họ cũng khó có thể tiếp cận với những thông tin còn thiếu. Khi áp dụng người dân thường gặp khó khăn do không chắc chắn về thông tin mình thu được.

Đánh giá chung cả hệ thống

Như đã phân tích ở trên, các thành phần tham gia vào hệ thống cung cấp đổi mới kỹ thuật cho người dân sử dụng nhiều hình thức khuyến nông khác nhau để tiếp cận với các đổi mới khác nhau nhằm đạt được mục đích của mình (xem phụ lục 3). Có thể thấy có hai hướng tiếp cận chính trong công tác khuyến nông: truyền thống và theo nhu cầu. Hướng tiếp cận truyền thống chủ yếu được hệ thống nhà nước áp dụng, tập trung vào khuyến cáo những đổi mới kỹ thuật phục vụ cho chính sách an ninh lương thực và sản xuất hàng hóa của nhà nước. Cách thức khuyến nông này dựa vào nguyên tắc chuyển giao khoa học kỹ thuật thông qua tập huấn và xây dựng mô hình trình diễn với những nông dân chủ chốt để chỉ ra những thành công của kỹ thuật. Hình thức này thường dùng hỗ trợ vật tư để khuyến khích người dân tham gia. Ngược lại, hướng tiếp cận có sự tham gia khuyến khích tính tự chủ của người nông dân. Nhóm những người nông dân cùng nhau học, chia sẻ và thử nghiệm những kỹ thuật trên đồng ruộng của họ từ khi bắt đầu đến kết thúc vụ lúa. Những nông dân tự nguyện và có khả năng được đào tạo thành giảng viên nông dân, đóng vai trò như là một khuyến nông viên cơ sở. Những đổi mới kỹ thuật được phát triển và thử nghiệm bởi những người nông dân ngay tại địa phương mình, với sự hỗ trợ của cán bộ kỹ thuật, cán bộ nghiên cứu và cán bộ khuyến nông. Những đổi mới kỹ thuật này được nhân rộng trong cộng đồng theo hình thức lan tỏa từ người này sang người khác hoặc bằng các hoạt động khuyến nông chính thống. Hình thức khuyến nông này được sử dụng nhằm hiểu về thực tế sản xuất của người dân, đáp ứng được nhu cầu của họ và sử dụng một cách hợp lý những nguồn lực hiện có.

Hệ thống cung cấp đổi mới kỹ thuật cho người dân hiện nay đang vận hành theo phương thức ‘hợp tác tập trung hoạt động tại cấp huyện’. Hoạt động khuyến nông được tổ chức một cách đa dạng với nhiều đơn vị chức năng và các tổ chức tư nhân tự nguyện cũng như nông dân. Trong hệ thống này, vai trò của chính quyền huyện là điều phối và quản lý kinh phí cũng như hoạt động khuyến nông. Hình thức hoạt động này thu hút được nguồn ngân sách nhà nước, các nguồn ngân sách và các nguồn kinh phí khác. Người dân dễ dàng tiếp cận với các nguồn thông tin kiến thức kỹ thuật khác nhau. Tuy nhiên, hình thức này cũng tạo ra một hệ thống nặng về bao cấp và về sản xuất, không chú trọng đến hỗ trợ phát triển thị trường cũng như sinh kế bền vững cho người dân. Nhiều kỹ thuật chuyển giao chưa thực sự phù hợp với thực tế địa phương. Phương pháp chuyển giao chưa chú trọng vào việc đáp ứng điều kiện thực tế và thừa kế kiến thức địa phương. Nhiều nơi, người dân bị loạn thông tin dẫn đến khó chọn lọc trong quá trình ứng dụng.

Chuyển giao kỹ thuật canh tác lúa hiện đang đặt ra một số vấn đề cần quan tâm. Thứ nhất là trình độ của nông dân rất đa dạng, chỉ có một số ít hộ có mức sống tương đối. Cụ thể là những hộ nông dân sản xuất hàng hóa giỏi và các trang trại mới có điều kiện thuận lợi hơn

tiếp thu kỹ thuật tiên tiến và đầu tư lớn vào sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao. Thứ hai, nông dân nghèo thiếu vốn, thiếu đất, thiếu thông tin với thị trường nên sức đầu tư cho sản xuất không lớn, đưa đến hiệu quả và lợi nhuận sản xuất không cao. Như vậy việc chuyển giao kỹ thuật cần đa dạng và có tính chuyên biệt cho từng đối tượng. Hình thức thích hợp đối với nông dân là đáp ứng nhu cầu kỹ thuật của họ. Nội dung chuyển giao cần phong phú từ kỹ thuật-quản lý-thị trường. Có như vậy, nông dân mới tiếp thu, ứng dụng có hiệu quả vào sản xuất.

Thứ ba là người nông dân thiếu điều kiện và thiếu quan tâm trong tạo và giữ chất lượng lúa hàng hóa. Một trong những yêu cầu của sản xuất lúa thương phẩm chất lượng cao là người nông dân phải nắm rõ các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm, dinh dưỡng để sản xuất và trong sử dụng các mặt hàng nông sản thực phẩm. Tức là việc xây dựng và quản lý chất lượng nông phẩm phải được thực hiện từ nông dân. Tuy nhiên, khâu thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chưa áp dụng những qui trình nghiêm ngặt để duy trì, quản lý và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thương lái mua lúa có chất lượng khác nhau với giá khác nhau. Nhưng khi lưu giữ, vận chuyển, chế biến và đóng bao bì, những loại lúa khác nhau về chất lượng này lại được trộn lẫn với nhau. Thực tế này đã đẩy người dân vào thế bị ép giá, và có những hành động đối phó để giảm thu thiệt như chạy theo lợi nhuận bằng cách tăng năng suất mà không quan tâm đến chất lượng. Xây dựng liên kết giữa sản xuất – chế biến – tiêu thụ là điều kiện đủ để khuyến khích áp dụng đổi mới kỹ thuật.

III.3 Hệ thống cung ứng giống và vật tư đầu vào

Hệ thống này bao gồm các đơn vị thuộc nhà nước và tư nhân cung ứng các vật tư đầu vào như giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Nhìn chung các doanh nghiệp tư nhân chiếm thị phần tương đối lớn hơn và cung cấp đa dạng các loại hình sản phẩm và dịch vụ hơn so với các đơn vị nhà nước. Việc cung ứng được thực hiện qua hệ thống đại lý từ cấp 1 (ở tỉnh), cấp 2 (huyện) đến cấp 3, 4 (ở xã, ấp). Hiện nay, người dân dễ dàng tiếp cận với các nguồn cung ứng và đa dạng các vật tư khác nhau. Tuy nhiên, chất lượng vật tư không đồng đều, và ổn định, giá vật tư đắt và tiếp tục tăng qua từng năm.

Về giống, hiện có ít cơ sở sản xuất tập trung, thiếu lò sấy, sân phơi, máy tách hạt, thiếu kho dự trữ lúa giống đạt tiêu chuẩn. Có nhiều đơn vị áp dụng mô hình cộng đồng sản xuất lúa giống. Các đơn vị cung cấp giống ký hợp đồng sản xuất với nhóm nông dân hoặc hợp tác xã, tập huấn qui trình kỹ thuật áp dụng trong sản xuất giống cho người dân tham gia, và thu mua sản phẩm theo lượng và giá nhất định như đã thỏa thuận. Mô hình này giúp khắc phục hạn chế về quỹ đất của các đơn vị sản xuất giống. Nhưng hạn chế của mô hình này là việc quản lý sự đồng đều của chất lượng hạt giống. Ngoài ra, việc đánh giá nhu cầu thị trường chưa chính xác dẫn đến sản xuất không đáp ứng được nhu cầu. Cầu đang lớn hơn cung nhưng giá giống lại rất cao so với khả năng tài chính của nhiều người dân trồng lúa. Do vậy, người dân thường chỉ mua một số lượng giống nguyên chủng trồng để tự để giống cho vụ sau. Ví dụ ở Bạc Liêu cho thấy khoảng hơn 40% giống lúa dùng trong sản xuất hàng năm là do người dân tự để giống. Hiện tại chủ yếu sản xuất và bán trực tiếp cho nông dân, chưa có công ty bao tiêu sản phẩm. Số lượng và chất lượng giống không ổn định, giá bán lại không ổn định, phụ thuộc vào giá lúa hàng hóa trên thị trường, lúa giống sản xuất ra không phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương nên khó tiêu thụ.

Về cung ứng vật tư đầu vào thuận lợi là có nguồn cung cấp ổn định, có hệ thống đại lý và cửa hàng xuống tận xã và ấp, khách hàng quen, có các công ty hỗ trợ kỹ thuật và gói đầu. Tuy nhiên, một trong những bất lợi của hệ thống này là hầu hết nông dân không có khả năng trả ngay khi mua vật tư. Hệ thống cung cấp này thường bán chịu cho nông dân dẫn đến việc chậm và khó thu hồi vốn thiếu vốn kinh doanh. Do vậy, các đại lý thương ép giá và tăng giá để đảm bảo lợi nhuận. Các đại lý cũng bán nhiều sản phẩm khác nhau cho cùng loại vật tư để

có khuyến mại từ nhà cung cấp. Hậu quả là người dân cũng chạy theo sử dụng sản phẩm theo khuyến mại mà không quan tâm đến hiệu quả sử dụng của sản phẩm và các tác động xấu đến môi trường. Nhiều người sử dụng sai sản phẩm hoặc quá lạm dụng sản phẩm. Nếu không có những chế tài cụ thể trong cung ứng và sử dụng vật tư thì sẽ khó để cải thiện được chất lượng lúa gạo và đảm bảo giảm chi phí đầu vào trong sản xuất lúa.

III.4 Hệ thống tiêu thụ sản phẩm

Tiêu thụ sản phẩm lúa gạo được thực hiện thông qua hệ thống thương lái, các nhà máy xay xát, các công ty thu mua xuất khẩu gạo và tư thương trên thị trường bán lẻ. Lúa gạo từ ĐBSCL được sử dụng chính cho thị trường xuất khẩu và một phần ở nội địa. Nông dân trồng lúa bán sản phẩm khá dễ dàng thông qua hệ thống thương lái và 'cò lúa'. Người dân thường bán dưới hình thức lúa tươi là phổ biến. Thương lái, với hỗ trợ của 'cò lúa' tiến hành mua lúa tươi ngay trên đồng ruộng. Bán lúa tươi thường có giá cao và dễ giao dịch vào đầu và cuối vụ, khi lượng lúa bán ra còn ít. Vào giữa vụ, giá lúa thường rẻ hơn, lúa thường khó bán hơn và người nông dân dễ bị thương lái ép giá. Hình thức thu mua này rất tiện cho người dân vì họ không phải đầu tư vào công đoạn phơi sấy và bảo quản. Tuy nhiên hình thức bán lúa tươi này có khi gây rủi ro cho thương lái nếu lúa bị thất thu do mưa và sập. Nhiều người dân phá vỡ thuận mua bán nếu có mối trả giá cao hơn hoặc giá lúa ngoài thị trường lên cao. Nhiều người bán lúa không đảm bảo chất lượng với giao kèo hoặc không có ý thức bảo giữ gìn chất lượng khi thu hoạch và vận chuyển ra ghe cho thương lái. Do vậy, hiện nay thương lái áp dụng hình thức ký thỏa thuận để mua bán không bị phá giao kèo và đảm bảo chất lượng lúa. Người dân cũng bán lúa khô sau khi đã phơi sấy và lúa giống với lượng không đáng kể. Việc bán lúa khô kéo theo việc người dân phải đầu tư lao động cho thu hoạch, phơi sấy và bảo quản. Bán lúa khô so với lúa tươi không thu lợi nhuận cao hơn là mấy do đầu tư và thất thoát trong quá trình phơi sấy. Thêm nữa, bán lúa khô nhiều khi cũng bấp bênh do giá cả thị trường biến động không lường và người nông dân lại không thể dự báo được sự thay đổi đó. Nông dân cũng muốn thu lại vốn ngay để quay vòng cho vụ sau trong khi điều đó là khó thực hiện được nếu bán lúa khô. Do vậy xu hướng bán lúa tươi trong dân ngày càng phổ biến.

Hệ thống thương lái có thể phân ra ba loại chính: 1) đi ghe mua lúa rồi bán lại cho thương lái khác, 2) đi ghe mua lúa, xay xát tại các nhà máy rồi bán lẻ, bán buôn cho các đại lý gạo khác, và 3) mua lúa giao về nhà máy xay xát lớn. Hình thức vận chuyển chủ yếu là ghe xuồng. Các thương lái thường biết được thông tin về giá cả thị trường một cách thường xuyên và có các mối quen để mua lúa. Tuy nhiên, hệ thống thương lái cũng chịu sự ảnh hưởng của giá cả biến động thất thường. Cạnh tranh về giá cả và thị phần giữa các thương lái cũng rất cao. Họ thường không đăng ký kinh doanh nên các ban ngành chức năng khó quản lý được hoạt động kinh doanh của họ. Ngược lại, họ cũng không được nhà nước hỗ trợ vay vốn kinh doanh. Họ cũng thiếu vốn mua bán lúa và kho chứa để dự trữ lúa để mở rộng và nâng cấp hoạt động kinh doanh của họ. Lợi nhuận thu được do vậy thường thấp và bấp bênh. Cũng giống như người nông dân, thương lái thường không quan tâm nhiều đến đảm bảo chất lượng lúa khi giao cho nhà máy hoặc các đại lý lúa gạo. Họ thường trộn lẫn các giống lúa mua với giá thấp với các giống lúa có thể bán ra với giá cao để tăng lợi nhuận. Việc làm này dẫn đến chất lượng gạo bán ra trên thị trường thấp, không đồng đều và khó kiểm soát. Ngoài ra, thương lái mua lúa của nông dân không đúng giá sàn do Nhà nước qui định và không theo chỉ đạo của chính phủ là bảo đảm 30% lợi nhuận cho nông dân. Hơn nữa, việc tính chi phí sản xuất cho nông dân hiện nay để dựa vào đó định giá mua cộng với 30% lợi nhuận là chưa đầy đủ. Vì những lý do chính trên dẫn đến việc nông dân càng khó khăn hơn, sinh kế càng khó cải thiện hơn và kém bền vững.

Với khả năng thu mua và cung ứng của thương lái, hệ thống các nhà máy xay xát lúa và chà bóng gạo luôn có được nguồn đầu vào ổn định, kết nối tốt với thương lái và các công ty

lượng thực. Những kết nối này giúp việc vận chuyển trong mua bán dễ dàng, trao đổi thông tin về thị trường giữa các nhà máy thuận tiện. Khó khăn hệ thống này gặp phải là lượng và giá đầu ra không ổn định do chưa có qui định giá sàn đối với sản phẩm gạo, chất lượng gạo chưa cao do không kiểm soát được chất lượng của lúa.

Việc điều hành xuất khẩu gạo của Việt Nam hiện nay chủ yếu qua Chính phủ. Nghị định 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 quy định định hướng điều hành xuất khẩu gạo. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về việc dự báo khối lượng gạo hàng hoá có thể xuất khẩu bằng cách tính toán lấy tổng sản lượng trừ đi các nhu cầu tiêu dùng cá nhân trong nước, làm giống, chăn nuôi, tiêu dùng công nghiệp và dự trữ. Để bình ổn hay hạn chế việc tăng giá gạo nội địa do tác động của sự gia tăng giá gạo quốc tế, Chính phủ áp dụng cơ chế thuế xuất khẩu hoặc hạn ngạch. Việc sử dụng thuế xuất khẩu sẽ mang lợi ích cho Nhà nước, trong khi hạn ngạch xuất khẩu thì lợi ích lại thuộc về các doanh nghiệp xuất khẩu. Ngoài ra, việc phân bổ chỉ tiêu dẫn đến “cơ chế xin – cho”, tạo ra sự thiếu công bằng giữa các công ty xuất khẩu, đặc biệt là giữa các công ty nhà nước và tư nhân. Việc phân giao chỉ tiêu xuất khẩu không tạo ra cơ hội cạnh tranh lành mạnh giữa các công ty xuất khẩu và cũng không tạo ra lợi ích tối đa cho Nhà nước và người sản xuất lúa gạo (Võ Thị Thanh Lộc và Lê Nguyễn Đoàn Khôi, 2011). Các công ty xuất khẩu gạo không bị ràng buộc về các nguồn lực sản xuất như vốn, vùng nguyên liệu, công nghệ xay xát chế biến, quy mô kho dự trữ ... Vì vậy, có quá nhiều công ty thương mại tham gia với vai trò là trung gian trong xuất khẩu gạo. Hầu hết các doanh nghiệp trong nước chỉ thực hiện chức năng thu mua xuất khẩu và bình ổn thị trường nội địa, rất ít trường hợp tự tổ chức vùng sản xuất hay tạo ra các mối quan hệ, liên kết giữa các nhà để có gạo chất lượng cao và có thương hiệu. Ngoài ra, thiếu tính chủ động do dự trữ quốc gia thấp và dự trữ manh mún, thiếu điều kiện kho bãi dẫn đến chất lượng gạo kém. Các công ty xuất khẩu gạo cũng không thể quản lý chất lượng cũng như giá sàn đối với thương lái. Giá cả không ổn định và chất lượng gạo lẫn giống. Sự cạnh tranh giữa các công ty trong xuất khẩu cao và sự lệ thuộc của họ vào chuỗi cung ứng gạo đã tạo ra một cơ chế thu mua, chế biến thông qua nhiều trung gian nên tỷ lệ hao hụt và hư hỏng cao, tăng chi phí lưu thông và phụ trội, giảm chất lượng gạo và lợi nhuận của nông dân trồng lúa. Doanh nghiệp trong nước chưa có tiềm lực tài chính đủ mạnh để cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài. Nếu không sớm khắc phục những tồn tại này thì cơ hội xuất khẩu gạo sẽ rơi vào tay các doanh nghiệp nước ngoài.

III.5 Liên kết hệ thống và xu hướng áp dụng đổi mới kỹ thuật

Áp dụng đổi mới kỹ thuật phù hợp với canh tác lúa ở ĐBSCL không thể tách rời giữa kỹ thuật, cung ứng giống và vật tư, và thị trường tiêu thụ như đã phân tích ở trên. Do vậy, liên kết giữa các mắt xích và liên kết ‘các nhà’ trong hệ thống để đảm bảo sự hợp tác thông suốt và tính cân bằng là thực sự cần thiết. Tuy nhiên, sự liên kết trong hệ thống mà cụ thể là mối liên kết giữa ‘Nhà nước - nhà khoa học - nhà nông - nhà doanh nghiệp’ hiện đang có nhiều vấn đề. Thứ nhất, Nhà nước chưa thực làm tốt vai trò quản lý và điều phối hệ thống của mình. Nhà nước hầu như chủ yếu tập trung vào khâu sản xuất thông qua đẩy mạnh phát triển mối liên kết giữa nhà khoa học và nhà nông. Vai trò khâu nối chung để thúc đẩy liên kết với nhà doanh nghiệp còn mờ nhạt. Thứ hai, mối liên kết giữa ‘Nhà nước - nhà khoa học - nhà nông’ tuy là tương đối mạnh nhưng chủ yếu quyết định bởi Nhà nước và phục vụ cho các chính sách phát triển và an ninh lương thực của Nhà nước. Nhà nông thường bị xoay vần bởi những ‘mối quan tâm’ này của Nhà nước trong khi những ‘mối quan tâm’ này chưa thực sự là ‘nhu cầu’ về đảm bảo sinh kế bền vững của người dân. Khi mối quan tâm của các bên khác nhau, nhu cầu của các bên sẽ không được đáp ứng, mối liên kết chỉ mang tính hình thức và chiều lệ.

Thứ ba, nối liên kết giữa nhà nông và nhà doanh nghiệp đang bị thả lỏng, không có sự điều phối của nhà nước. Trong một hệ thống hoạt động dưới sự điều phối của nhà nước như

hệ thống hỗ trợ áp dụng đổi mới kỹ thuật này, sự thả lỏng của nhà nước đối với mối liên kết giữa nhà nông và nhà doanh nghiệp dẫn đến sự mất cân bằng và sự lệch pha giữa các mối liên kết. Cụ thể là sự lệch pha giữa một nửa hệ thống vận hành dưới sự quản lý điều tiết của nhà nước và nửa còn lại vận hành theo qui luật của thị trường. Thứ tư phải nói đến đặc điểm và vai trò 'nhà doanh nghiệp' trong hệ thống này. Doanh nghiệp ở Việt Nam có cấu trúc pha trộn giữa hai thành phần nhà nước và tư nhân. Trong khi chức năng quản lý và điều phối của nhà nước đối với nhà doanh nghiệp chủ yếu ưu tiên sự phát triển của thành phần nhà nước, cấu trúc này đặt thành phần tư nhân vào những khó khăn để có thể phát triển ở thể cân bằng để tạo sự cân bằng cho cả hệ thống. Các chính sách tiêu thụ còn nghiêng về ưu tiên cho doanh nghiệp quốc doanh và chưa có sự quản lý chặt chẽ giá xuất khẩu giữa công ty nhà nước và tư nhân. Đây là mấu chốt của vấn đề thiếu tính liên kết trong hệ thống hỗ trợ áp dụng đổi mới kỹ thuật trong sản xuất lúa.

Trong bối cảnh trên, người trồng lúa ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long có nhiều thay đổi khác nhau để thích ứng với những yếu tố nêu trên. Về cơ cấu sản xuất, người dân có xu hướng áp dụng mô hình sản xuất linh hoạt hơn. Họ thay đổi cơ cấu sản xuất qua lại giữa tằm, lúa tằm, thả tằm càng xanh trong vụ lúa trên đất lúa tằm để nâng cao thu nhập, chuyển đổi lúa vụ 3 thành vụ màu, khôi phục lại một số diện tích trồng cây màu đã bị mất đi trước đây.

Để đối phó với điều kiện thị trường và tiêu thụ sản phẩm khó khăn như hiện nay, nhiều nông dân đã có những phản ứng tương đối tiêu cực. Ví dụ như đối phó với việc thu mua ép giá của thương lái đối với những giống lúa không được giá trên thị trường nhưng có năng suất cao, một vài năm gần đây, một số người trồng lúa đã trộn lẫn các giống lúa đó với với những giống được giá khi gieo cấy để tăng năng suất những vẫn đảm bảo giá bán cho thương lái cao. Thực tế là thương lái sau khi mua lúa khác nhau họ cũng trộn lẫn với nhau. Người nông dân cho rằng bằng cách trộn giống, họ sẽ bán được giá hơn mà cũng không ảnh hưởng gì đến thị trường tiêu thụ. Thêm nữa, theo nông dân thì việc pha trộn giống này còn có tác dụng chống đổ ngã vì những giống lúa cứng cây có thể hỗ trợ cho những giống lúa có thân yếu hơn.

Về mặt kỹ thuật, người trồng lúa áp dụng những kỹ thuật giúp họ tăng năng suất như lợi dụng các sản phẩm công nghệ như thuốc kích thích sinh trưởng, các loại phân vi lượng, và lạm dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật để đảm bảo tăng năng suất tối đa có thể. Họ cũng áp dụng một số khuyến cáo từ chương trình tập huấn kỹ thuật IPM, 3 giảm 3 tăng, 1 phải năm giảm như là giảm giống, giảm phân bón và giảm thuốc bảo vệ thực vật để giảm chi phí đầu tư. Tuy nhiên, việc áp dụng kỹ thuật này không đồng bộ như khuyến cáo. Người dân có xu hướng lựa chọn chỉ chọn những kỹ thuật phù hợp với điều kiện sản xuất của họ như giảm lượng phân bón và giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật. Khi áp dụng, người dân thường không sử dụng một cách máy móc như được khuyến cáo. Thay vào đó, họ thường thay đổi dựa vào thực tế và kinh nghiệm sản xuất của mình.

Một ví dụ là kỹ thuật xạ hàng để tiết kiệm lượng giống, hạn chế sự phát triển của cỏ dại, và tạo điều kiện chăm sóc dễ dàng hơn. Người dân áp dụng xạ hàng không nhiều, họ xạ tay nhưng với lượng giống giảm xuống trung bình từ 30% đến 40% so với trước đây. Với kỹ thuật ngập khô xen kẽ, người dân thay vì rút nước 4 lần như khuyến cáo, họ rút 2-3 lần tùy thuộc vào lượng nước cung cấp cho vụ đông xuân. Có nông dân rút nước thêm 1 lần nữa khi lúa chuẩn bị trở để diệt cỏ hiệu quả và ngăn chuột cắn lúa. Lý do là khi đất khô, chuột có thể đi lại và tìm mồi ăn như ốc, cua, và không cắn lúa nữa. Nhiều người dân áp dụng kỹ thuật ngập khô xen kẽ cũng không cần sử dụng ống nhựa theo dõi mực nước. Thay vào đó, họ đào một hố sâu ở trong ruộng để quan sát mực nước. Nhiều người quan sát mặt đất để xác định thời điểm bơm nước vào và rút nước ra. Đối với giảm thuốc, người dân có xu hướng trộn nhiều loại thuốc với nhau, hoặc là trộn thuốc với phân vi lượng hoặc thuốc kích thích để giảm số lần phun thuốc. Một số nông dân không muốn rủi ro đầu tư và sử dụng nhiều công lao

động, họ quay về phương thức canh tác cũ, sạ với lượng giống lớn để không phải đầu tư lớn vào giai đoạn đầu và đảm bảo chắc chắn về năng suất khi đầu tư tập trung vào giai đoạn cuối.

Với những xu hướng lựa chọn kỹ thuật một cách đối phó như trên, việc áp dụng kỹ thuật mới nhiều khi rơi vào tình trạng lợi bất cập hại, ảnh hưởng xấu đến chất lượng và giá trị lúa hàng hóa, và an toàn vệ sinh thực phẩm. Mấu chốt của hiện tượng trên là trào lưu cạnh tranh về năng suất giữa những người trồng lúa và sự buông lỏng quản lý về chất lượng sản phẩm và thị trường tiêu thụ. Những người nông dân trồng lúa trong cộng đồng thường có tư tưởng chạy đua với nhau về mặt năng suất mà không quan tâm đến đầu tư chi phí. Thêm nữa, có nhiều nông dân thường giấu nghề, không chia sẻ với người khác về kỹ thuật mình áp dụng thành công. Có nhiều người nông dân quá tin vào kinh nghiệm của mình nên khó chấp nhận những kỹ thuật mới. Nhiều người có tư tưởng lấy 'hỗ trợ của nhà nước' làm điều kiện để áp dụng kỹ thuật mới. Nếu nhà nước hỗ trợ thì tiếp tục áp dụng, còn nếu không có thì ngừng. Thực tế này dẫn đến việc nhân rộng kỹ thuật mới gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, áp dụng những kỹ thuật mới giúp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Nhưng nó cũng đòi hỏi trình độ thâm canh cao hơn, bỏ nhiều công sức hơn. Tuy nhiên, giá bán sản phẩm thì bị đánh đồng đồ đều với những sản phẩm lúa kém chất lượng khác. Việc buông lỏng về quản lý chất lượng, giá cả và thiếu cơ chế khuyến khích sản xuất hàng hóa chất lượng đã làm cho người dân xem nhẹ áp dụng biện pháp kỹ thuật nhằm tăng chất lượng cũng như là sản xuất thân thiện với môi trường.

IV Sự phù hợp của những đổi mới kỹ thuật canh tác lúa thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu

Nhiều năm lại đây, hệ thống hỗ trợ áp dụng đổi mới kỹ thuật trong sản xuất lúa đã giới thiệu nhiều kỹ thuật đơn lẻ cũng như nhiều gói kỹ thuật động bộ cho người dân trồng lúa ở ĐBSCL. Các kỹ thuật này thường được giới thiệu để phục vụ những định hướng, chính sách phát triển nông nghiệp và chiến lược an ninh lương thực của nhà nước. Ví dụ như trước những năm 2000, các kỹ thuật thâm canh tăng năng suất và tăng vụ đã được giới thiệu đến nhiều vùng trồng lúa ở ĐBSCL nhằm phục vụ cho chính sách đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu lúa gạo của nhà nước. Trong thập kỷ tiếp theo đó, các đổi mới kỹ thuật canh tác lúa được giới thiệu nhằm phục vụ cho chính sách đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL của Nhà nước. Hệ thống canh tác lúa tôm cũng được hình thành từ đó. Từ năm 2008, kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH được Bộ NN&PTNT triển khai ở ĐBSCL. Đi kèm theo đó là xây dựng hàng loạt các công trình công, đê ngăn mặn qui mô lớn, những công trình thủy lợi tưới tiêu qui mô nhỏ như kênh mương nội đồng và hàng loạt các kỹ thuật canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu như giống chịu mặn, kỹ thuật canh tác giảm chi phí đầu tư '3 giảm 3 tăng', '1 phải 5 giảm' và hệ thống canh tác qui mô lớn.

Có thể thấy hiện nay hệ sinh thái tự nhiên của ĐBSCL đã bị thay đổi nhiều. Minh chứng qua các thời kỳ khác nhau cho thấy không một kỹ thuật đơn lẻ nào có thể giải quyết được vấn đề mà người dân đang gặp phải trong canh tác lúa hiện nay. Khi giới thiệu các đổi mới kỹ thuật, người nông dân hoặc không áp dụng, hoặc áp dụng có lựa chọn các kỹ thuật và/hoặc chỉ áp dụng những nguyên tắc chính trong kỹ thuật đó mà thôi. Một trong những lý do chính dẫn đến sự áp dụng có lựa chọn này ở người nông dân tính phù hợp của đổi mới kỹ thuật. Nhiều đổi mới kỹ thuật thực sự ưu việt về mặt kỹ thuật nhằm đáp ứng được yêu cầu đề ra trong chủ trương và chính sách phát triển của nhà nước. Tuy nhiên, áp dụng những đổi mới kỹ thuật này đòi hỏi người dân phải thay đổi phần lớn tập quán canh tác của họ, đầu tư lớn về vật tư đầu vào và lao động. Điều này có thể thấy nhiều đổi mới kỹ thuật chưa thực sự phù hợp với điều kiện và tập quán canh tác, điều kiện đầu tư, điều kiện sinh kế và điều kiện sinh thái của từng vùng cụ thể.

Lý do thứ hai là bản thân người nông dân. Tư duy của người nông dân là tư duy xuất phát từ thực tế. Họ chỉ thay đổi khi họ nhìn thấy từ thực tế hiệu quả của các kỹ thuật mới, tính tiện lợi về về mặt lao động, tính ưu việt về mặt thu nhập khi áp dụng và đảm bảo sinh kế bền vững. Một khi những kết quả đó không được thực tế chứng minh, người nông dân sẽ chỉ dừng lại ở mức thử nghiệm khi có khuyến khích đầu tư từ nhà nước như hỗ trợ giống, vật tư và phân bón. Do vậy hết đầu tư đồng nghĩa với việc hết thử nghiệm.

Lý do thứ ba là phương pháp chuyển giao các kỹ thuật. Như đã phân tích ở phần III.2, hình thức chuyển giao kỹ thuật mang tính áp đặt, lý thuyết mà thiếu minh chứng từ thực tế, phủ sóng trên diện nhỏ, nhiều khi chưa đúng đối tượng. Hình thức chuyển giao này chưa thực sự đưa những kỹ thuật phù hợp với điều kiện sinh kế của người dân và giúp họ trong quá trình lựa chọn để áp dụng.

Lý do thứ 4 thuộc về chính sách và quản lý của nhà nước. Chính sách nhà nước thay đổi liên tục nhưng lại thiếu sự thừa kế do vậy sự phát triển sau có xu hướng không nhất quán với những thành quả đi trước. Thêm nữa, nhà nước quá chú trọng vào đầu tư kỹ thuật mà thiếu những chính sách và đầu tư hợp lý để phát triển cơ sở hạ tầng cho một nền kinh tế thị trường, thiếu những chế tài để xây dựng sự liên kết giữa người nông dân và doanh nghiệp. Chính vì thiếu sự liên kết này, người nông dân đã có những giải pháp tình thế trong đổi mới kỹ thuật canh tác của mình (như đã phân tích ở phần III.5).

Trong khuôn khổ thông tin thu thập được ở Bạc Liêu, những đổi mới kỹ thuật giới thiệu để thích ứng với BĐKH bao gồm 1) ngập khô xen kẽ trên nền 1 phải năm giảm, 2) giống lúa chịu mặn cho vùng lúa – tôm, và 3) cánh đồng mẫu lớn. Báo cáo này đánh giá sự phù hợp của ba đổi mới kỹ thuật trên sử dụng bộ tiêu chí đánh giá sự phù hợp xuất phát sinh kế bền vững và chiến lược sinh kế của người dân do Farrington và cộng sự khuyến cáo năm 1999. Các tiêu chí đánh giá cụ thể là:

- *Phù hợp về mặt kỹ thuật:* Tính ưu việt so với kỹ thuật hiện nay, sự thừa kế các kỹ thuật hiện có, sự phức tạp so với kỹ thuật đang áp dụng, khả năng thử nghiệm các đổi mới kỹ thuật và khả năng quan sát được. Cụ thể là khả năng giảm sâu bệnh và giúp cây lúa phát triển tốt, thích ứng với độ mặn cao, mức độ dễ áp dụng, khả năng tăng năng suất.
- *Phù hợp với nguồn lực con người:* Nguồn lực con người bao gồm trình độ học vấn, kiến thức, kỹ năng, năng lực, đặc tính xã hội và cá nhân của mỗi cá thể, tính sáng tạo để hoàn thành công việc và tạo ra giá trị kinh tế. Trong trường hợp đổi mới kỹ thuật, tính phù hợp với nguồn lực con người được xem xét đến khía cạnh phù hợp với trình độ canh tác và khả năng đổi mới của người dân khi sử dụng những tiến bộ kỹ thuật.
- *Phù hợp với nguồn lực xã hội:* Nguồn lực xã hội là những giá trị và lợi ích tập thể và kinh tế được hình thành từ những hợp tác giữa các cá nhân và nhóm với nhau dựa vào mạng lưới của những mối quan hệ xã hội, sự trao đổi qua lại, sự tin tưởng và những qui chuẩn xã hội khác. Ví dụ như mạng lưới các mối quan hệ xã hội và cá nhân giúp tăng khả năng tiếp cận với thông tin và kỹ năng cần thiết và vị trí xã hội; những qui chuẩn và giá trị được chia sẻ để thúc đẩy các hợp tác xã hội. Trong trường hợp đổi mới kỹ thuật, tính phù hợp với nguồn lực xã hội chính là sự phù hợp với đặc thù xã hội nông thôn ĐBSCL về sự hợp tác giữa họ hàng và láng giềng trong cộng đồng, sự cạnh tranh giữa các cá nhân với nhau trong sản xuất, sự chia sẻ về thông tin và ý tưởng giữa những người nông dân với nhau, và sự quan tâm đối với phương thức sản xuất tập thể.
- *Phù hợp với nguồn lực tự nhiên:* Nguồn lực tự nhiên là những điều kiện sinh thái tự nhiên có thể sử dụng được để tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ trong tương lai. Trong trường hợp đổi mới kỹ thuật, tính phù hợp với nguồn lực tự nhiên chính là sự phù hợp với điều kiện canh tác tự nhiên như khí hậu thời tiết, nước, hệ thống cây con vốn có ở địa phương...
- *Phù hợp với nguồn lực hạ tầng:* Nguồn lực hạ tầng chính là những tài sản thuộc quản lý của nhà nước mà người dân có thể sử dụng cho sản xuất. Trong trường hợp đổi mới kỹ thuật, tính phù hợp với nguồn lực hạ tầng chính là sự phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng bao gồm đất, điện, đường, kênh mương, cống đê ngăn mặn, trạm tưới tiêu...
- *Phù hợp về mặt đầu tư tài chính:* Phù hợp với khả năng đầu tư để mua giống, vật tư phân bón, mua và thuê các máy móc thiết bị, thuê nhân công, thuê đất đai...
- *Phù hợp với sinh kế bền vững của người dân:* Khả năng hạn chế tối đa rủi ro về mặt kinh tế khi áp dụng, khả năng tăng thu nhập và lợi nhuận, khả năng sử dụng bền vững các nguồn vốn, khả năng phòng ngừa đến sinh kế của người dân.

IV.1 Biện pháp 'Ngập khô xen kẽ trên nền '1 phải 5 giảm'

Biện pháp 'Ngập khô xen kẽ' đã được Viện Lúa Quốc tế kết hợp với các viện nghiên cứu và trường đại học ở Việt Nam giới thiệu vào ĐBSCL như các tỉnh An Giang, Tiền Giang. Ở Bạc Liêu, Ngập khô xen kẽ được hợp phần Lúa, dự án GIZ Bạc Liêu kết hợp với Sở NN&PTNT tỉnh Bạc Liêu giới thiệu cho người dân. Sở NN&PTNT đã lồng ghép kỹ thuật 'Ngập khô xen kẽ' với qui trình kỹ thuật '1 phải 5 giảm' của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khuyến cáo. '1 phải 5 giảm' khuyến cáo phải dùng giống xác nhận, và phải giảm giống, thuốc BVTV, phân, nước, và thất thoát sau thu hoạch. Khi lồng ghép biện pháp ngập

không xen kẽ' vào qui trình '1 phải 5 giảm', giảm nước trở thành nội dung chính, được khuyến cáo cụ thể hơn theo tài liệu của Viện lúa quốc tế IRRI. Sự phù hợp của biện pháp kỹ thuật ngâp khô xen kẽ trên nền '1 phải năm giảm' được các nhóm nông dân tham gia mô hình ở Bạc Liêu đánh giá theo tiêu chí ở phụ lục 4. Kết quả đánh giá cụ thể được tổng kết ở bảng 2.

Bảng 2. Sự phù hợp của biện pháp kỹ thuật ngâp khô xen kẽ trên nền '1 phải năm giảm'

Sự phù hợp	Phù hợp	Không phù hợp
Về mặt kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> Số lần bơm nước ít hơn so với biện pháp canh tác hiện nay Đơn giản, dễ áp dụng, dễ thử nghiệm và quan sát Giúp giảm nước, bộ rễ phát triển tốt, tránh đổ ngã, giảm rầy nâu 	<ul style="list-style-type: none"> Đặt ống theo dõi mực nước là không cần thiết vì có thể thay thế bằng đào hố trên ruộng Không nhất thiết phải là 4 ngâp 3 khô mà phải xem xét tình hình thời tiết và mức độ nước
Với nguồn lực con người	<ul style="list-style-type: none"> Phù hợp với trình độ canh tác và khả năng đổi mới của người dân ở những vùng trồng lúa chuyên canh 	
Với nguồn lực xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Phù hợp với hình thức hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa bà con họ hàng và chòm xóm láng giềng 	
Với nguồn lực tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> Phù hợp với vụ đông xuân do điều kiện thiếu nước và tác động của biến đổi khí hậu 	<ul style="list-style-type: none"> Với những vụ hè thu và vụ thu đông vì phụ thuộc vào nước trời
Phù hợp với nguồn lực hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> Phù hợp với những cánh đồng có đê bao, và những ruộng có bờ kiên cố 	<ul style="list-style-type: none"> Với những chân đất không bằng phẳng và bờ ruộng không chắc chắn Cánh đồng không có đê bao kiên cố và không chủ động được nguồn nước Thực hiện trên từng hộ đơn lẻ không hiệu quả bằng trên khu vực rộng lớn.
Về mặt đầu tư tài chính	<ul style="list-style-type: none"> Phù hợp với mức đầu tư tài chính và lao động vì giúp giảm công lao động và chi phí xăng dầu cho bơm nước 	
Với sinh kế bền vững của người dân	<ul style="list-style-type: none"> Tăng thu nhập thông qua giảm chi phí đầu tư và tăng năng suất Khả năng rủi ro về kinh tế khi áp dụng thấp 	

Đánh giá chung cho thấy biện pháp kỹ thuật ngâp khô xen kẽ trên nền '1 phải năm giảm' phù hợp về mặt kỹ thuật, nguồn lực con người, xã hội, tự nhiên, và cơ sở hạ tầng và với sinh kế bền vững của người dân ở những vùng chuyên canh lúa có sản xuất lúa vụ đông xuân. Ví dụ ở Bạc Liêu cho thấy các đơn vị thuộc hệ thống hỗ trợ đổi mới kỹ thuật trong sản xuất lúa đã tiếp tục lồng ghép chuyển giao biện pháp 'ngâp khô xen kẽ' vào những chương trình khuyến cáo kỹ thuật khác như 'cánh đồng mẫu lớn' và '1 phải 5 giảm' được triển khai bằng nguồn ngân sách của nhà nước. Qui trình 'Ngâp khô xen kẽ' trên nền '1 phải 5 giảm' đang được sử dụng đưa vào chương trình khuyến cáo về kỹ thuật canh tác lúa theo tiêu chuẩn

VietGAP trong mô hình ‘cánh đồng mẫu lớn’. Hầu hết nông dân tham gia mô hình năm 2012 hiện đang áp dụng biện pháp ‘ngập khô xem kẻ’ ở vụ đông xuân 2013. Cũng đã có tác động lan tỏa của biện pháp kỹ thuật này từ những nông dân tham gia mô hình sang những người nông dân khác trong cộng đồng của họ.

Để nhân rộng giải pháp kỹ thuật này cần quan tâm đến cách thức tổ chức chuyển giao cho người dân có hiệu quả để tránh hiện tượng hình thức hóa rất phổ biến như hiện nay. Cụ thể là các Sở NN&PTNT và các cơ quan chức năng tiếp tục lồng ghép kỹ thuật này vào những chương trình khuyến cáo kỹ thuật khác do đang triển khai trong khuôn khổ nguồn kinh phí từ nhà nước và kinh phí sự nghiệp. Tuy nhiên, hình thức tổ chức cần được thay đổi theo hướng ‘nông dân chia sẻ với nông dân’ để đáp ứng nhu cầu về khuyến nông của họ. Các cơ quan chuyên môn thực hiện xây dựng mạng lưới khuyến nông viên nông dân ở xã ấp thông qua các hoạt động như 1) lựa chọn nông dân giỏi tự nguyện tham gia mạng lưới; 2) đào tạo họ về kỹ thuật và kỹ năng phương pháp khuyến nông; 3) hỗ trợ các mạng lưới khuyến nông viên nông dân, xây dựng kế hoạch khuyến nông theo nhu cầu của người dân địa phương; 4) Phối hợp cùng mạng lưới khuyến nông viên nông dân tổ chức và triển khai các hoạt động khuyến nông trong kế hoạch đã được xây dựng. Ngoài ra cần quan tâm tới áp dụng cơ chế khuyến khích từ thị trường tiêu thụ sản phẩm lúa gạo. Khi áp dụng các giải pháp kỹ thuật này, người nông dân xem đây như là qui trình sản xuất GAP. Họ đầu tư nhiều công sức hơn vì áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật phức tạp hơn. Điều này đồng nghĩa với việc chất lượng sản phẩm lúa gạo làm ra được nâng cao. Trong khi đó, khi bán cho thương lái trên thị trường thì không có sự phân biệt giá cả giữa sản phẩm chất lượng tốt và sản phẩm kém chất lượng. Chính vì thiếu những khuyến khích về giá cả này dẫn đến giảm động lực áp dụng AWD trong người dân.

IV.2 Giống lúa chịu mặn

Chọn tạo và giới thiệu giống chịu mặn là một trong những chương trình mang tính quốc gia do nhà nước hỗ trợ cho ĐBSCL. Nhiều giống lúa chịu mặn đã được viện nghiên cứu và trường đại học ở Việt Nam chọn tạo để đưa vào sản xuất như: OM10252, OM6677, OM8105, OM8104, OM5924, OM5951, OM5629 ... Trong năm 2012, GIZ Bạc Liêu kết hợp với Sở NN&PTNT Bạc Liêu giới thiệu thử nghiệm hai giống OM6677 và OM5629 ở một số vùng trồng lúa trong điều kiện bị nhiễm mặn ở tỉnh. Sự phù hợp của hai giống lúa chịu mặn này được đánh giá cụ thể ở bảng 3.

Đánh giá chung cho thấy giống OM5629 có những ưu điểm so với OM6677 về khả năng chống chịu đạo ôn và cho năng suất cao. Tuy nhiên, mức độ chịu mặn của hai giống này chưa đánh giá được do lựa chọn canh tác thử nghiệm chưa mang tính điển hình. Thêm nữa, khả năng không có thu hoạch của hai giống này là tương đối lớn, đặc biệt là giống OM6677. Một lý do chính là do điều kiện thời tiết không thuận lợi, hạn vào đầu vụ khi xuống giống và độ ẩm cao vào cuối vụ khi lúa trổ và chín dẫn đến sâu bệnh nhiều. Một lý do khác là do người dân thử nghiệm các giống lúa này chưa áp dụng các biện pháp kỹ thuật hợp lý và chưa thực sự đầu tư đúng mức do họ chưa được tập huấn về kỹ thuật.

Trong thời gian tới, chỉ nên tiếp tục thử nghiệm giống OM5629 ở một số vùng có mức độ nhiễm mặn cao để xem xét khả năng thích nghi và năng suất của giống này. Khi tiếp tục thử nghiệm cần tiếng hành giao giống đi kèm với tập huấn kỹ thuật trên mô hình để người dân có thể áp dụng trực tiếp vào mảnh ruộng của mình. Ngoài ra, cần tìm kiếm và thử nghiệm một số giống lúa chịu mặn khác ở trên những địa bàn có độ nhiễm mặn cao.

Bảng 3. Sự phù hợp của giống lúa chịu mặn OM6677 và OM5629

Sự phù hợp	OM6677		OM5629	
	Phù hợp	Không phù hợp	Phù hợp	Không phù hợp
Về mặt kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> • Thời gian sinh trưởng ngắn hơn giống địa phương • Mức độ chịu hạn tốt hơn 	<ul style="list-style-type: none"> • Mức độ chịu mặn thấp hơn giống địa phương • Mức độ chống chịu sâu bệnh, đổ ngã kém hơn giống địa phương 	<ul style="list-style-type: none"> • Thời gian sinh trưởng ngắn hơn giống địa phương • Mức độ chịu hạn, chịu đạo ôn tốt hơn 	<ul style="list-style-type: none"> • Mức độ chịu nặm chưa cao, không vượt qua giống địa phương
Với nguồn lực con người		<ul style="list-style-type: none"> • Đòi hỏi áp dụng qui trình kỹ thuật ngắt nghèo và phức tạp so với với trình độ canh tác và khả năng đổi mới của người dân ở những vùng lúa tôm 		<ul style="list-style-type: none"> • Đòi hỏi áp dụng qui trình kỹ thuật ngắt nghèo và phức tạp so với với trình độ canh tác và khả năng đổi mới của người dân ở những vùng lúa tôm
Với nguồn lực xã hội		<ul style="list-style-type: none"> • Giống mới là vấn đề nhạy cảm ở các cộng đồng trồng lúa. Nhiều người dân không muốn chia sẻ thông tin về giống mới 		<ul style="list-style-type: none"> • Giống là vấn đề nhạy cảm ở các cộng đồng trồng lúa. Nhiều người dân không muốn chia sẻ thông tin về giống mới.
Với nguồn lực tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> • Phù hợp với hệ thống canh tác lúa tôm do có thời gian sinh trưởng ngắn 	<ul style="list-style-type: none"> • 	<ul style="list-style-type: none"> • Phù hợp với hệ thống canh tác lúa tôm do có thời gian sinh trưởng ngắn 	<ul style="list-style-type: none"> •
Phù hợp với nguồn lực hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> • Phù hợp với hệ thống điều tiết nước đảm bảo 6 tháng nặm 6 tháng ngọt 	<ul style="list-style-type: none"> • Nếu không có hệ thống điều tiết nước ngọt trong mùa khô thì không thể đảm bảo có thu khi trồng lúa 	<ul style="list-style-type: none"> • Phù hợp với hệ thống điều tiết nước đảm bảo 6 tháng nặm 6 tháng ngọt 	<ul style="list-style-type: none"> • Nếu không có hệ thống điều tiết nước ngọt trong mùa khô thì không thể đảm bảo có thu khi trồng lúa
Về mặt đầu tư tài chính		<ul style="list-style-type: none"> • Rủi ro cao khi đầu tư vào xuống giống trong điều kiện lịch thời vụ không có độ tin cậy cao 		<ul style="list-style-type: none"> • Rủi ro cao khi đầu tư vào xuống giống trong điều kiện lịch thời vụ không có độ tin cậy cao
Với sinh kế bền vững của người dân		<ul style="list-style-type: none"> • Khả năng rủi ro về kinh tế cao khi sử dụng giống lúa này do thất thu vì sâu bệnh, đổ ngã 	<ul style="list-style-type: none"> • Có khả năng tăng năng suất 	<ul style="list-style-type: none"> • Khả năng rủi ro về kinh tế cao khi sử dụng giống lúa này do thất thu vì đổ ngã chưa cao

IV.3 Cánh đồng mẫu lớn

Thực tế trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam nói chung và sản xuất lúa hàng hóa ở các tỉnh ĐBSCL nói riêng, từ lâu tồn tại tình trạng mạnh ai nấy làm. Cung ứng vật tư nông nghiệp bị xé lẻ qua nhiều cấp, nhiều khâu trung gian phân phối, làm đội giá thành. Nhà quản lý và nhà khoa học thì khuyến cáo chung chung. Nhà nông tự thân vận động theo kinh nghiệm và khả năng. Xuất phát từ thực trạng này Bộ NN&PTNT đã xây dựng hình thức sản xuất ‘cánh đồng mẫu lớn (CĐML)’ với kỳ vọng giúp giải quyết các vấn đề trên. Hình thức tổ chức sản xuất CĐML được đầu tư từ năm 2008-2009. Mục đích của cách tổ chức sản xuất này là giảm chi phí sản xuất xuống thấp nhất có thể và thu về mức lợi nhuận cao nhất cho người trồng lúa trong khi đảm bảo nguồn cung ổn định với sản lượng lúa lớn, chất lượng đồng đều để mang lại hiệu quả kinh doanh cao hơn cho doanh nghiệp. Sự phù hợp của hình thức sản xuất CĐML được đánh giá cụ thể ở bảng 4.

Bảng 4. Sự phù hợp của phương thức sản xuất ‘cánh đồng mẫu lớn’

Sự phù hợp	Phù hợp	Không phù hợp
Về mặt kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> Phù hợp với những điều kiện kỹ thuật đã hình thành để xây dựng CĐML, như: gieo sạ đồng loạt né rầy; thực hiện gói kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm; đưa cơ giới hóa vào đồng ruộng 	<ul style="list-style-type: none"> Phức tạp hơn so với hình thức sản xuất cá thể đang áp dụng Đòi hỏi phải có trình độ thâm canh cao và đồng đều trong các hộ nông dân tham gia hình thức sản xuất này
Với nguồn lực con người		<ul style="list-style-type: none"> Không phù hợp với tập quán sản xuất cá thể, tự do quyết định những vấn đề liên quan đến sản xuất
Với nguồn lực xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Với những địa phương đã hình thành tổ, nhóm, hợp tác xã sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Không phù hợp với ý muốn duy trì sản xuất nhỏ lẻ của đại đa số người dân Không phù hợp với nhu cầu áp dụng kỹ thuật và sử dụng đa dạng các loại giống lúa của người dân
Với nguồn lực tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> Phù hợp với canh tác trong điều kiện ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, đặc biệt là tình trạng nhiễm mặn ngày càng tăng 	
Phù hợp với nguồn lực hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> Phù hợp với điều kiện đã hình thành như doanh nghiệp đầu tư những kho lưu trữ, cụm xay xát, chế biến lúa gạo ngay tại vùng nguyên liệu... Nhà nước đầu tư xây dựng đê bao xung quanh CĐML 	
Về mặt đầu tư tài chính		<ul style="list-style-type: none"> Đòi hỏi sự đầu tư tài chính và lao động nhiều hơn từ người dân
Với sinh kế bền vững của người dân	<ul style="list-style-type: none"> Mang tính xã hội nhân văn cao khi không ép người nông dân phải rời khỏi mảnh ruộng nhà mình để trở thành người làm thuê, cấy mướn vì việc tạo dựng nên CĐML nhưng không dẫn đến tích tụ đất. Nhà nông làm chủ thật sự trên mảnh ruộng của mình và hoàn toàn bình đẳng về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cho quy trình sản xuất, cũng như biết rõ lợi nhuận sau mỗi vụ gieo trồng 	<ul style="list-style-type: none"> Khả năng rủi ro về kinh tế khi áp dụng cao do khâu tiêu thụ không được bao tiêu

Đánh giá chung cho thấy hình thức sản xuất CĐML phù hợp về chiến lược phát triển sản xuất lúa theo hướng hàng hóa. Đây là hướng đi đúng cho tương lai. Tuy nhiên trong thời điểm hiện nay, hình thức tổ chức này chưa thực sự phù hợp về mặt kỹ thuật, nguồn lực con người, xã hội, tự nhiên, và cơ sở hạ tầng và với sinh kế bền vững của người dân ở ĐBSCL. Thêm nữa, xây dựng mô hình của hình thức sản xuất này vẫn mang tích áp đặt, nặng về kỹ thuật và xây dựng cơ sở hạ tầng trong khi đây là một đổi mới về mặt tổ chức sản xuất, chuyển đổi từ sản xuất cá thể tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa qui mô tập thể. Điều này dẫn đến nhiều điểm bất cập của mô hình này.

Do vậy, nếu nhân rộng hình thức sản xuất này tại thời điểm này sẽ đi theo vết xe đổ trước đây đó là tạo ra phong trào mang hình thức chứ không thực sự đi vào sản xuất. Chỉ nên tiếp tục thử nghiệm loại hình sản xuất này ở những vùng có đầy đủ điều kiện tự nhiên, xã hội, con người, cơ sở hạ tầng và mối quan tâm của các doanh nghiệp. Để tiếp tục phát triển hình thức sản xuất này cần quan tâm đến các yếu tố sau:

- Đối với quản lý nhà nước: Các cơ quan quản lý chuyên ngành từ Trung ương đến các tỉnh phải quan tâm, quyết liệt phối hợp thực hiện theo đúng cam kết với nhà nông. Muốn làm được mô hình này thì chính ngành nông nghiệp các địa phương phải đi đầu hình thành bộ máy quản lý phù hợp, đứng ra quy hoạch dựa vào điều kiện và nhu cầu của người dân. Sự đầu tư từ nhà nước phải đúng nơi, đúng lúc và hiệu quả. Tránh tình trạng xem thử nghiệm mô hình sản xuất CĐML là một hình thức đầu tư cơ sở hạ tầng cho những vùng nghèo, vùng sâu vùng xa như một số địa phương đang tiến hành hiện nay. Cần có những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ và bao tiêu sản phẩm cho CĐML, cấp quota xuất khẩu gạo tương ứng với diện tích đất lúa mà doanh nghiệp đứng ra bao tiêu cho nông dân.
- Đối với người nông dân: thay đổi tư duy từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa là điều kiện tiên quyết khi tham gia vào hình thức sản xuất này. Người nông dân cần xác định rằng đảm bảo chất lượng và cam kết cung cấp hàng hóa theo thỏa thuận là mấu chốt để duy trì và phát triển hình thức này. Muốn vậy, người nông dân phải nâng cao được kiến thức canh tác cũng như tự giác hơn trong việc tuân thủ những quy định của ngành chức năng về sản xuất lúa hàng hóa.
- Đối với doanh nghiệp: điều kiện đủ để mô hình sản xuất này được thành công là sự liên kết chặt chẽ giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Nếu không có sự sát cánh, chung lưng và tiềm lực về vốn, kinh nghiệm làm ăn của doanh nghiệp thì CĐML sẽ khó thành công. Việc triển khai mô hình ở các địa phương đều cần có sự tổ chức thu mua của các doanh nghiệp kinh doanh lúa, gạo. Nếu các doanh nghiệp thu mua vì lý do nào đó không tham gia, công tác triển khai mô hình ngay lập tức sẽ gặp nhiều khó khăn. Bước cao hơn là doanh nghiệp đứng ra nhận bao tiêu sản phẩm theo giá thị trường cũng như cung cấp giống, cử đội ngũ kỹ thuật bám đồng, đầu tư những công đoạn sau thu hoạch. Ngoài ra, sự thỏa thuận giữa các bên cần rõ ràng về cơ cấu giống và những tiêu chí thu mua, trong đó nên dựa vào chất lượng lúa cũng như sự minh bạch về độ ẩm, tạp chất, tránh những hiện tượng làm phức tạp thêm về mặt tiêu chí sau này.

V Giải pháp nhân rộng sáng kiến kỹ thuật phù hợp cho các tỉnh thuộc chương trình CCCEP

V.1. Điều kiện cần để nhân rộng thành công các đổi mới kỹ thuật

Những phân tích trên về thực trạng sản xuất lúa trong điều kiện tác động của biến đổi khí hậu, nguồn lực và khả năng của hệ thống hỗ trợ áp dụng đổi mới kỹ thuật vào sản xuất lúa, sự phù hợp của các đổi mới kỹ thuật đối với sinh kế của người dân cho thấy một số điều kiện cần và đủ để nhân rộng thành công những kỹ thuật phù hợp. Các điều kiện này bao gồm:

- *Sự phù hợp của đổi mới về mặt kỹ thuật:* Sự phù hợp của các đổi mới kỹ thuật đối với kỹ thuật đang được sử dụng là điều kiện để tạo sự quan tâm ban đầu khi tiếp cận đi đến lựa chọn áp dụng của người nông dân. Sự phù hợp về mặt kỹ thuật cũng là điều kiện để thu hút sự quan tâm của những nông dân khác, tạo ra sự tác động lan tỏa trong cộng đồng.
- *Cơ sở hạ tầng:* Canh tác lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu thì cơ sở hạ tầng cung cấp nước là yếu tố quyết định đến năng suất. Do vậy hệ thống đê, cống ngăn mặn và kênh mương cung cấp nước ngọt đảm bảo cung ứng đủ và điều tiết hợp lý nước là điều kiện cần thiết để người dân áp dụng những đổi mới kỹ thuật phù. Cụ thể là đối với vùng chuyên canh lúa thì hệ thống kênh mương phải đảm bảo để điều tiết nước hợp lý và linh hoạt. Đối với vùng lúa tôm thì điều tiết nước phải đảm bảo 6 tháng ngọt, 6 tháng mặn để có thể trồng lúa và xuống giống tôm đúng thời vụ. Thêm nữa, để hạn chế tác động của sâu bệnh và thời tiết, cần phải xây dựng lịch thời vụ có độ tin cậy cao, và thông báo sớm nhất có thể cho người dân.
- *Đầu tư của người dân:* sự sẵn sàng chấp nhận đầu tư và khả năng đầu tư vào áp dụng đổi mới kỹ thuật của người dân là yếu tố quan trọng tác động đến sự quyết định tiếp tục đầu tư của người nông dân. Có nhiều đổi mới phù hợp về mặt kỹ thuật nhưng vượt qua khả năng đầu tư của người dân thì khó nhân rộng vào sản xuất. Sự đầu tư không chỉ có về mặt tài chính mà còn cả về thời gian, công lao động, và tự làm mới kỹ thuật của người dân.
- *Phương thức chuyển giao đổi mới kỹ thuật:* phương thức chuyển giao quyết định bản chất của kỹ thuật và mức độ thông tin mà người dân có thể nắm bắt được. Với phương thức chuyển giao hiện nay các đổi mới kỹ thuật thường được phát triển theo định hướng và chính sách của nhà nước. Do không xuất phát từ nhu cầu của người dân nên khi chuyển giao xuống, người áp dụng phải qua một quá trình thay đổi và làm mới lại kỹ thuật để thích ứng với điều kiện của họ. Thêm nữa, phương pháp chuyển giao thường là tuyên truyền và vận động cho nên lượng thông tin đến với người dân thường bị rơi rụng, gây ra khó khăn cho người dân khi vận dụng vào sản xuất. Vậy thay đổi phương thức chuyển giao để đáp ứng được nhu cầu của người dân và thay đổi sang phương pháp tương tác hai chiều cũng là một điều kiện cần để nhân rộng thành công các đổi mới kỹ thuật.
- *Thị trường tiêu thụ:* nông dân có thể tăng năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm khi áp dụng đổi mới kỹ thuật. Tuy nhiên nếu giá bán trên thị trường không cao hơn so với sản phẩm không áp dụng đổi mới kỹ thuật, nếu không có sự đảm bảo về khả năng tiêu thụ sản phẩm có áp dụng kỹ thuật thì người dân cũng không hào hứng và sẵn sàng áp dụng kỹ thuật. Vậy giảm thiểu rủi ro về giá cả và thị trường tiêu thụ sản phẩm cũng là điều kiện cần để nhân rộng thành công đổi mới kỹ thuật.
- *Văn hóa hợp tác cộng đồng:* Thay đổi tư duy sản xuất tự phát nhỏ lẻ, thói quen canh tranh chạy đua về năng suất và thói quen giấu nghề là điều kiện để đổi mới kỹ thuật có thể tự phát tán trong các cộng đồng. Muốn vậy, cần đẩy mạnh hợp tác sản xuất tổ,

nhóm, hợp tác xã để xây dựng văn hóa chia sẻ và hợp tác trong xã hội nông dân nông thôn.

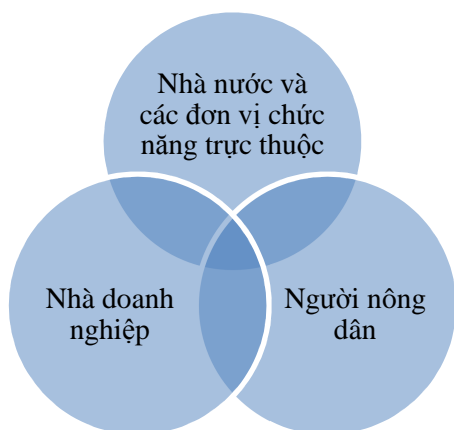
- *Chính sách và quản lý nhà nước*: trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng chủ nghĩa xã hội như ở Việt Nam, sự chỉ đạo của nhà nước là không thể thiếu. Đối với những đổi mới kỹ thuật phù hợp với thực tế sản xuất và với nhu cầu của người dân thì có được sự đồng thuận của nhà nước là một điều kiện để đảm bảo cho nhân rộng thành công. Đi kèm với sự đồng thuận này, nhà nước sẽ những chỉ đạo để đưa vào sản xuất trên diện rộng. Nhưng để tránh rơi vào tình trạng làm theo kiểu hình thức như hiện nay, nhà nước cần phải có những cơ chế cụ thể: 1) để tổ chức sản xuất theo chuỗi nhằm đảm bảo sự phân bổ giá trị hợp lý cho các bên tham gia và đảm bảo lợi nhuận tối thiểu cho người dân trồng lúa, 2) phát triển thị trường cạnh tranh lành mạnh, tránh tình trạng độc quyền như hiện nay, 3) để hỗ trợ liên kết giữa doanh nghiệp và người nông dân, và 4) cho từng địa phương để chính quyền địa phương có thể phát huy tối đa vai trò làm cầu nối của mình và có thể chủ động lựa chọn những đổi mới kỹ thuật phù hợp với nhu cầu của người dân.
- *Sự tham gia của doanh nghiệp*: cuối cùng, sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình chuyển giao đổi mới kỹ thuật là điều kiện để đảm bảo đề tiêu thụ sản phẩm. Để khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình chuyển giao kỹ thuật, vấn đề quan trọng nhất là gắn lợi ích trực tiếp của họ với quá trình áp dụng tiến bộ kỹ thuật của người dân. Làm như vậy sự tham gia của doanh nghiệp mới có tính bền vững và mang lại tác động tích cực.

V.2 Đề xuất giải pháp nhân rộng các đổi mới kỹ thuật phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu

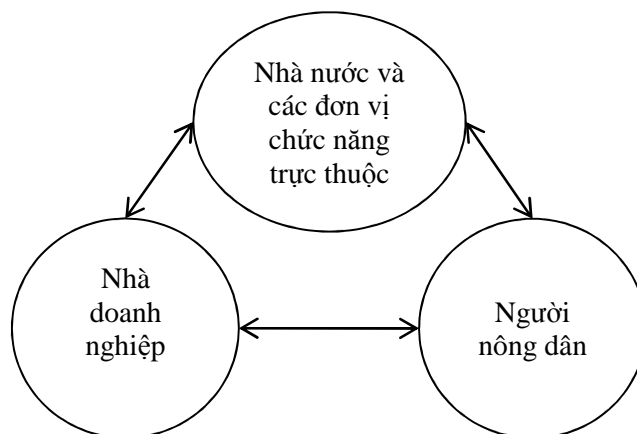
Hướng tiếp cận của đề xuất giải pháp

Từ những điều kiện trên, các đề xuất giải pháp này được xây dựng dựa vào nguyên tắc 'xuất phát từ mối quan tâm chung của các bên liên quan'. Tham gia vào quá trình chuyển giao đổi mới kỹ thuật cho người dân trồng lúa ở các tỉnh trong chương trình CCCEP có ba thành phần chính (sơ đồ 3a). Mỗi một thành phần sẽ có những mối quan tâm cũng như vai trò của mình. Tuy nhiên họ sẽ có một số mối quan tâm chung, làm cơ sở cho khuyến nghị sử dụng hướng tiếp cận theo nhu cầu trong quá trình chuyển giao kỹ thuật cho người dân trồng lúa.

Thành phần thứ nhất là nhà nước và các đơn vị chức năng trực thuộc như Bộ NN&PTNT, Sở NN&PTNT, hệ thống KNKN, hệ thống BVTV, các viện nghiên cứu và trường đại học. Họ có vai trò hỗ trợ nhà nước triển khai các chủ trương chính sách phát triển sản xuất lúa. Chủ trương cụ thể trong thời điểm hiện nay là duy trì vị trí xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Từ chủ trương này, một số hoạt động cụ thể được thực hiện như xây dựng vùng sản xuất lúa gạo tập trung theo tiêu chuẩn hàng hóa theo hình thức liên kết 4 nhà, kỹ thuật thâm canh tăng năng suất và diện tích lúa vụ 3, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất lúa ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng nông thôn mới. Ngoài những mối quan tâm chung với nhà nước, chính quyền địa phương các cấp tỉnh và huyện còn quan tâm đến phát huy những thế mạnh hiện có của địa bàn bằng cách cải tiến và nâng cấp những hệ thống canh tác vốn thích ứng với điều kiện của họ. Sau một thời gian dài hàng nhiều thập kỷ cố gắng thử nghiệm với nhiều cây, con và hệ thống canh tác mới, chính quyền địa phương thực sự mong muốn có sự phát triển bền vững hơn, xuất phát từ tiềm năng và điều kiện hiện có. Mối quan tâm này thực sự xuất phát từ nhu cầu của người dân và của địa phương.



Sơ đồ 3a. Hướng tiếp cận nhân rộng các biện pháp kỹ thuật phù hợp với thời điểm hiện tại



Sơ đồ 3b. Hướng tiếp cận nhân rộng các biện pháp kỹ thuật trong tương lai

Thành phần thứ hai là nông dân trồng lúa và cộng đồng của họ. Mỗi quan tâm của họ tương đối đa dạng phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, điều kiện sinh thái và trình độ canh tác. Nhìn chung nhu cầu chung của họ là tiếp cận với những đổi mới kỹ thuật nhưng phải phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất, tập quán canh tác, và trình độ canh tác của từng đối tượng người dân. Áp dụng những đổi mới kỹ thuật này phải mang lại những lợi ích sinh kế cho họ như tăng thu nhập, cải thiện an ninh lương thực, giúp làm giàu, sử dụng bền vững nguồn lực sẵn có và giảm thiểu tối đa rủi ro. Đối với đối tượng hộ nghèo và những vùng sâu vùng xa, mối quan tâm của họ là đảm bảo sinh kế. Đối với những vùng trồng lúa tôm, mối quan tâm của họ là có thể trồng lúa trên đất nuôi tôm mà không bị thất thu mùa lúa và không bị ảnh hưởng đến xuống giống vụ tôm. Đối với đối tượng hộ giàu và khá ở những vùng chuyên canh sản xuất lúa hàng hóa với qui mô lớn hơn, mối quan tâm của họ là tăng năng suất, giảm đầu tư và tăng lợi nhuận bền vững để có thể làm giàu từ cây lúa. Các đối tượng này có chung một mối quan tâm đó là chắc ăn về năng suất và kỹ thuật để áp dụng. Ngoài ra, họ cũng quan tâm đến giá cả và thị trường tiêu thụ sản phẩm lúa gạo. Với tình hình giá giống và vật tư phân bón không ngừng tăng cao qua các năm, giá lúa lên xuống thất thường và thấp như hiện nay, người trồng lúa thực sự không có lãi. Thêm nữa, thị trường tiêu thụ chưa thực sự phân biệt giữa sản phẩm có chất lượng cao và thấp. Vì vậy thị trường vật tư đầu vào và tiêu thụ hàng hóa hiện đang là mối quan tâm của hầu hết những người trồng lúa.

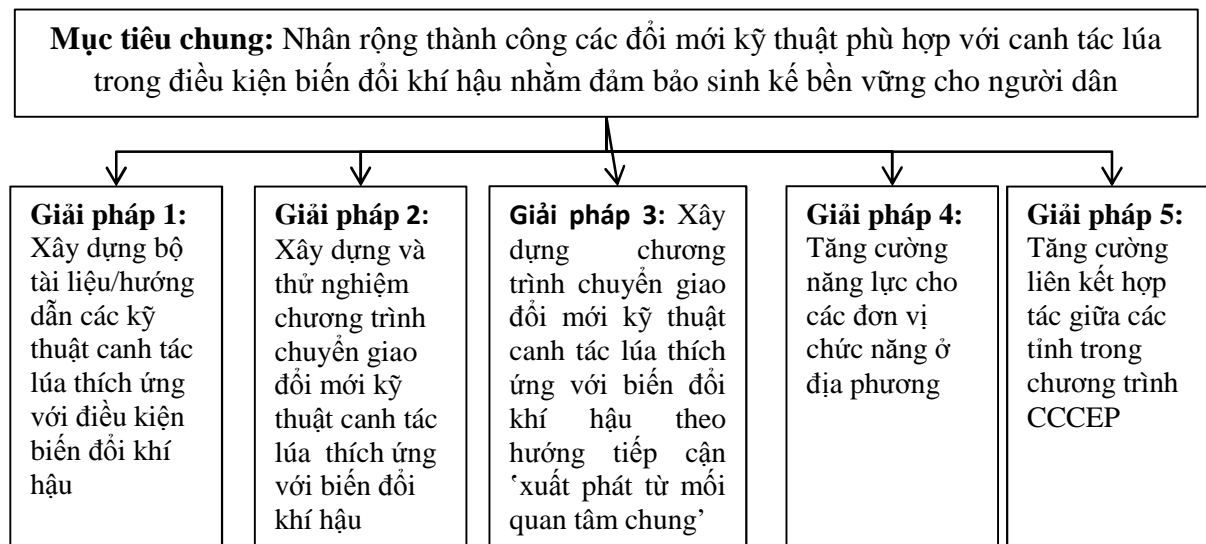
Thành phần thứ ba là doanh nghiệp bao gồm cả nhà nước và tư nhân. Mối quan tâm của họ là lợi nhuận thu được từ cung ứng giống và vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo. Hiện tượng phổ biến hiện nay là nhiều doanh nghiệp chỉ chạy theo lợi nhuận ngắn hạn trước mắt mà quên đi chiến lược đầu tư dài hạn để có thể phát triển bền vững trong tương lai. Bên cạnh đó có những doanh nghiệp thực sự đầu tư phát triển theo hướng bền vững như Công ty thuốc BVTV An Giang. Dù phát triển theo hướng đi ngắn hạn hay dài hạn, các doanh nghiệp cũng mong muốn có được vùng cung cấp nguyên liệu ổn định đảm bảo chất lượng hàng hóa, có quota xuất khẩu ổn định để đảm bảo doanh thu.

Vậy mối quan tâm chung của cả ba thành phần trên là: 1) đầu tư sản xuất lúa theo hướng hàng hóa trong điều kiện ảnh hưởng của BĐKH, 2) đảm bảo thị trường và giá cả ổn định mang lại lợi nhuận hợp lý cho các bên tham gia, 3) liên kết các bên liên quan để đảm bảo sản xuất hàng hóa bền vững. Trong bối cảnh nhà nước quản lý và chỉ đạo sản xuất như ở Việt Nam hiện nay, để có tính khả thi thì chiến lược nhân rộng các đổi mới kỹ thuật phù hợp cần phải được xuất phát từ những mối quan tâm này. Có như vậy mới đáp ứng được các nhu cầu khác nhau của các bên tham gia. Trong tương lai xa hơn, chiến lược nhân rộng đổi mới kỹ thuật phù hợp có thể thay đổi cách tiếp cận như minh họa ở sơ đồ 3b. Với hướng tiếp cận này, các bên

tham gia có sự tương tác và liên kết chặt chẽ với nhau trên nguyên tắc cùng đạt được những mối quan tâm chung và riêng của mình. Tuy nhiên, đây có thể chỉ là mô hình phù hợp trong tương lai, khi thị trường thực sự có vai trò quyết định đến mối liên kết giữa các bên.

Các giải pháp cụ thể

Từ những điều kiện cần và hướng tiếp cận đã nêu trên, các giải pháp cụ thể được đề xuất như ở sơ đồ 4.



Sơ đồ 4. Giải pháp nhân rộng đổi mới kỹ thuật canh tác lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu ở các tỉnh CCCEP

Giải pháp 1: Xây dựng bộ tài liệu/hướng dẫn các kỹ thuật canh tác lúa thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu

Nguyên tắc thực hiện:

1. Đánh giá sự phù hợp của đổi mới kỹ thuật canh tác lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu phải dựa vào bộ tiêu chí đánh giá mang đồng bộ như đã trình bày ở phần IV.
2. Sự lựa chọn đổi mới kỹ thuật canh tác lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu phải có sự tham gia của các bên liên quan bao gồm người nông dân, doanh nghiệp, nhà khoa học, các dự án phát triển và các đơn vị ban ngành chức năng từ trung ương đến địa phương để phát huy tính làm chủ và đảm bảo đáp ứng được những mối quan tâm của họ

Các hoạt động chính

- Tìm hiểu và tổng hợp những đổi mới kỹ thuật canh tác lúa thích ứng với biến đổi khí hậu (ví dụ như: giống chịu mặn, kỹ thuật canh tác, bảo quản và chế biến, tổ chức sản xuất theo hướng liên kết nhà sản xuất và doanh nghiệp) đã được các dự án phát triển, các tổ chức NGOs, các viện nghiên cứu và trường đại học, các doanh nghiệp kết hợp với các Sở NN&PTNT, và người trồng lúa thử nghiệm và áp dụng thành công ở ĐBSCL.
- Đánh giá sự phù hợp của các kỹ thuật đó đối với điều kiện tự nhiên, xã hội, kinh tế, cơ sở hạ tầng ở từng hệ thống canh tác lúa khác nhau của từng vùng.
- Lựa chọn những kỹ thuật phù hợp và xây dựng bộ tài liệu/hướng dẫn các kỹ thuật canh tác lúa thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu có sự tham gia của khuyến nông quốc gia, đại diện các đơn vị chức năng địa phương và cộng đồng người dân trồng lúa.

Giải pháp 2: Xây dựng chương trình chuyển giao đổi mới kỹ thuật canh tác lúa thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng tiếp cận 'xuất phát từ mối quan tâm chung'

Nguyên tắc thực hiện:

1. Xây dựng chương trình chuyển giao đổi mới kỹ thuật canh tác lúa thích ứng với biến đổi khí hậu cần sử dụng hướng tiếp cận theo 'nhu cầu' để địa phương có thể chủ động lựa chọn những kỹ thuật phù hợp và xây dựng kế hoạch triển khai mang tính khả thi cao.
2. Áp dụng phương pháp khuyến nông có sự tham gia của người dân để khuyến khích tính tự chủ và tích cực và khả năng đổi mới của người dân.
3. Khuyến khích đồng đầu tư và phối kết hợp từ các ban ngành liên quan ở các cấp.

Các hoạt động chính:

- Đánh giá hiệu quả của các mô hình và phương pháp khuyến nông đang được áp dụng ở Việt Nam như mô hình khuyến nông truyền thống, mô hình khuyến nông từ xa sử dụng phương tiện thông tin đại chúng, mô hình khuyến nông có sự tham gia.
- Tìm hiểu và đánh giá hiệu quả các hình thức liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất lúa gạo hiện đang có ở ĐBSCL.
- Xây dựng và thử nghiệm chương trình khuyến nông chuyển giao đổi mới kỹ thuật canh tác lúa thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng tiếp cận 'xuất phát từ mối quan tâm chung' của nhà nước, người nông dân và doanh nghiệp ở các tỉnh của CCCEP. Chương trình này xuất phát từ nhu cầu và điều kiện thực tế cũng như mối quan tâm của cụ thể của các tỉnh. Chương trình này có thể tham khảo phương pháp khuyến nông của mô hình lớp học cho nông dân tại hiện trường (FFS) được chương trình Phòng chống sâu bệnh tổng hợp (IPM) áp dụng rộng rãi từ những năm đầu 2000. Ngoài ra, chương trình này cần lồng ghép nội dung xây dựng mối liên kết giữa nông dân trồng lúa và doanh nghiệp để đảm bảo tính bền vững của áp dụng kỹ thuật và của sinh kế của người dân.
- Xây dựng mạng lưới khuyến nông viên nông dân giỏi ở xã ấp để tham gia cùng với hệ thống khuyến nông tổ chức chương trình tập huấn nhân rộng đổi mới kỹ thuật canh tác lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu với vai trò 'tập huấn viên nông dân' (xem thêm thông tin ở phần khuyến nghị giải pháp nhân rộng biện pháp kỹ thuật ngập khô xen kẽ ở phần IV.1).
- Giám sát đánh giá kết quả để đúc rút bài học và dẫn chứng cho khuyến nghị chính sách về ở giải pháp 3.

Giải pháp 3: Xây dựng và khuyến nghị chính sách về chương trình chuyển giao đổi mới kỹ thuật theo hướng tiếp cận 'xuất phát từ mối quan tâm chung' cho chính quyền các cấp trung ương và địa phương

Nguyên tắc thực hiện:

1. Tiếp cận đa chiều, từ người dân và chính quyền địa phương đến nhà nước.
2. Huy động tối đa tính tự chủ và tham gia tích cực của các đơn vị chức năng và chính quyền địa phương.

Các hoạt động chính:

- Xây dựng chương trình khuyến nông nhân rộng đổi mới kỹ thuật phù hợp với canh tác lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu dựa trên kết quả của giải pháp 1 và 2.
- Vận động chính sách để đưa chương trình thành cấp vùng do Bộ NN&PTNT chủ trì và cấp vốn đầu tư.

- Vận động chính sách để đưa chương trình vào các hoạt động khuyến nông từ vốn sự nghiệp và các nguồn vốn khác ở tỉnh và huyện.
- Chuyển giao chương trình bao gồm cả kỹ thuật, phương pháp khuyến nông và các thức tổ chức cho hệ thống các đơn vị chức năng có liên quan của nhà nước cấp trung ương và địa phương.
- Đề xuất những cơ chế để phối kết hợp với hội nông dân, hội phụ nữ và hội cựu chiến binh trong quá trình triển khai chương trình khuyến nông quốc gia nhân rộng đổi mới kỹ thuật phù hợp với canh tác lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Giải pháp 4: Tăng cường năng lực cho các đơn vị chức năng ở địa phương tham gia triển khai chương trình

Nguyên tắc thực hiện:

1. Lựa chọn đúng đối tượng cần đầu tư và đáp ứng đúng nhu cầu để đạt được mục đích sử dụng lâu dài và tạo ra sự thay đổi trong hệ thống
2. Phương pháp khuyến nông 'theo nhu cầu' là ưu tiên số một để tăng cường năng lực cho hệ thống hỗ trợ đổi mới kỹ thuật trong sản xuất lúa ở ĐBSCL

Các hoạt động chính:

- Lựa chọn đối tượng để đầu tư hỗ trợ tăng cường năng lực. Cần phải xác định đúng đối tượng và nhu cầu của họ. Nên tập trung cho cán bộ trẻ trong ngành nông nghiệp của tuyến huyện vì họ là những người trực tiếp triển khai các hoạt động.
- Tăng cường năng lực tổ chức sản xuất theo hướng liên kết nông dân và doanh nghiệp. Một số nội dung cụ thể như 1) tổ chức sản xuất theo liên kết chuỗi giá trị, 2) xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội theo hướng liên kết chuỗi giá trị trong điều kiện biến đổi khí hậu, 3) xây dựng mối liên kết giữa nhà nông và doanh nghiệp trong quá trình chuyển giao kỹ thuật và sản xuất lúa.
- Tăng cường năng lực khuyến nông để đáp ứng với điều kiện thực tế sản xuất và môi quan tâm chung của 3 nhà. Một số nội dung cụ thể như 1) phương pháp khuyến nông theo nhu cầu, 2) quản lý kinh tế và phân tích thị trường, 3) khả năng giám sát và đánh giá hiệu quả của hoạt động khuyến nông, và 4) kỹ thuật canh tác lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu và kiến thức sâu về lúa chịu mặn, phân tích đất, nước, cơ chế chống chịu mặn...
- Tăng cường kiến thức và hiểu biết về biến đổi khí hậu. Một số nội dung cụ thể như 1) xử lý thông tin về biến đổi khí hậu, 2) sử dụng các thiết bị định vị và thu thập thông tin dự báo về tác động của biến đổi khí hậu.

Giải pháp 5: Tăng cường liên kết hợp tác giữa các tỉnh trong chương trình CCCEP

Nguyên tắc thực hiện:

1. Nguyên tắc liên kết về mặt tổ chức là quan trọng trong quá trình tăng cường liên kết hợp tác trong chương trình. Nếu lạm dụng yếu tố kỹ thuật để thắt chặt mối liên kết có thể dẫn đến hiện tượng hợp tác hình thức và cạnh tranh giữa các tỉnh với nhau.
2. Sự hợp tác liên kết phải được xây dựng dựa vào nguyên tắc 'từ dưới lên', xuất phát từ những mối quan tâm chung và thành công của các tỉnh.

Các hoạt động chính:

- Xây dựng hướng tiếp cận theo chương trình để áp dụng chung cho các hợp phần trong chương trình CCCEP

- Đi kèm với hướng tiếp cận theo chương trình là hệ thống nhân sự và cơ cấu vận hành theo tỉnh nhưng đảm bảo sự liên kết theo chiều dọc của từng hợp phần và sự liên kết theo chiều ngang giữa các hợp phần trong một tỉnh
- Xây dựng hệ thống giám sát đánh giá của chương trình CCCEP và kênh chia sẻ thông tin và báo cáo theo hướng tiếp cận chương trình.
- Tổ chức các hoạt động có tính chất điều phối theo định kỳ
- Cơ chế khuyến khích các cố vấn trường điều phối tại các tỉnh hợp tác với nhau trong khuôn khổ của chương trình CCCEP
- Xác định rõ chức năng và quyền hạn của nhân sự và vai trò quản lý điều phối của văn phòng quản lý chương trình

VI Khuyến nghị cho Hợp phần Lúa, dự án GIZ Bạc Liêu

Đánh giá triển khai hoạt động của hợp phần lúa trong thời gian qua cho thấy có nhiều kết quả đã đạt được như: 1) giới thiệu thành công kỹ thuật ngập khô xen kẽ ở những vùng thí điểm, 2) nâng cao năng lực cho các cơ quan đối tác thông qua tập huấn về hệ thống thông tin địa lý (GIS) và kỹ thuật canh tác lúa trong điều kiện khắc nghiệt, và 3) phối hợp với dự án CLUES triển khai một số hoạt động đánh giá tác động kinh tế xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tốt còn có những vấn đề cần cải tiến. Cụ thể là một số hoạt động của Hợp phần chưa lựa chọn đúng đối tượng. Thử nghiệm giống chịu mặn được cấp cho nông dân không tham vào lớp tập huấn kỹ thuật canh tác lúa chịu mặn. Việc quản lý giống phát ra chưa chặt chẽ. Kế hoạch triển khai hoạt động chưa được thông báo sớm với chính quyền xã và ấp, gây ra bị động cho việc triển khai ở cấp địa phương. Phương pháp và kỹ năng của cán bộ trạm khuyến nông còn nặng về lý thuyết, chưa khuyến khích được sự tham gia của người dân vào quá trình chuyển giao kỹ thuật. Việc giám sát đánh giá chỉ mang tính hình thức, kết quả chưa thực sự hữu ích cho việc lập kế hoạch triển khai tiếp theo. Sự hợp tác giữa các đối tác tham gia dự án còn kém. Chưa có nhiều cơ hội để các cơ quan đối tác trao đổi thông tin về tiến độ thực hiện hoạt động, chia sẻ kinh nghiệm triển khai các hoạt động, và cùng lập kế hoạch hàng năm của Hợp phần. Các hoạt động của Hợp phần được tổ chức một cách dàn trải, nhiều khi chưa đúng địa điểm nên khó đánh giá tác động của Hợp phần. Cuối cùng, mặc dù Hợp phần đặt mục tiêu hỗ trợ sinh kế bền vững cho người dân nhưng các hoạt động chủ yếu tập trung vào hỗ trợ kỹ thuật, bỏ qua mảng hỗ trợ người dân phát triển thị trường.

Để đạt được kết quả tốt hơn trong thời gian 2013-2014, Hợp phần Lúa cần quan tâm tới một số vấn đề như:

- Hướng tiếp cận ‘thích ứng’: sử dụng điều kiện, nguồn lực, và yếu tố chủ lực ở địa phương để nâng cấp hệ thống canh tác lúa nhằm cải thiện sinh kế bền vững cho người dân thông qua sử dụng những thế mạnh và cơ hội để vượt qua những thách thức và khó khăn trong sản xuất lúa
- Đầu tư tập trung hơn, đặc biệt là những vùng lúa tôm ở vùng sâu vùng xa
- Chọn đúng đối tượng và đầu tư đúng với nhu cầu kỹ thuật của họ
- Xây dựng kế hoạch thực hiện có sự tham gia tích cực và tương tác trực tiếp giữa các đối tác triển khai và GIZ
- Tăng cường công tác giám sát đánh giá
- Tăng cường sự hợp tác giữa các đơn vị triển khai
- Tăng cường năng lực cho các cơ quan đối tác

Một số hoạt động động cụ thể có thể bổ sung trong thời gian tới

Về giống

- Tập huấn nâng cao kiến thức và nhận thức về tiêu chuẩn giống cho các cộng đồng sản xuất lúa hợp tác với Trung tâm Giống Nông nghiệp và Thủy sản
- Tiếp tục tìm kiếm và thử nghiệm một số giống lúa chịu mặn, hạn cao, chịu úng (có mô hình và tập huấn kèm theo cho từng điểm)
- Phục tráng giống lúa đặc sản của địa phương và duy trì giống đã được phục tráng ngay tại địa phương
- Xây dựng cộng đồng sản xuất lúa giống một bụi đỏ Hồng Dân
- Xây dựng cơ sở vật chất (nhà lưới) để nghiên cứu giống tại Bạc Liêu và cho điều kiện canh tác ở Bạc Liêu

Về kỹ thuật canh tác lúa

- Thử nghiệm mô hình 1 vụ lúa kết hợp thả tôm càng xanh và 1 vụ tôm có sử dụng sản phẩm vi sinh (qui trình VietGAP)
- Thử nghiệm mô hình lúa màu hoặc màu trên những vùng thiếu nước ngọt
- Thử nghiệm mô hình '1 phải 5 giảm có tăng cường ngập khô xen kẽ' trên cánh đồng mẫu lớn
- Đánh giá hiệu quả của mô hình cày ải trên chân đất canh tác lúa 3 vụ
- Kỹ thuật sau thu hoạch, bảo quản, và sơ chế đặc biệt là những vùng không bán lúa tươi và kỹ thuật bảo quản lúa giống

Về nhân rộng đổi mới kỹ thuật

- Đánh giá hiện trạng của những điểm đã triển khai mô hình và tập huấn để xác định điểm và đối tượng đầu tư tập trung cho thời gian tới
- Điều tra tình hình sản xuất và thị trường tiêu thụ lúa ở Bạc Liêu nói riêng và ĐBSCL nói chung để có những định hướng cụ thể hơn trong việc nhân rộng đổi mới kỹ thuật
- Xác định nhu cầu tập huấn về kỹ thuật của người dân
- Tiếp tục nhân rộng kỹ thuật 'ngập khô xen kẽ' trên nền '1 phải năm giảm' trong vụ đông xuân ở các vùng chuyên canh lúa
- Thử nghiệm xây dựng cơ chế hợp tác liên kết giữa người nông dân trồng lúa và các doanh nghiệp cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm
- Đánh giá hiệu quả các phương pháp khuyến nông hiện đang được sử dụng ở Bạc Liêu
- Thử nghiệm hình thức tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của người dân
- Cải tiến phương pháp và kỹ năng khuyến nông cho cán bộ nông nghiệp các cấp

Về quản lý và điều phối

- Thiết lập kênh giám sát đánh giá và tăng cường hoạt động giám sát đánh giá
- Hợp định kỳ báo cáo tiến độ và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan đối tác
- Hợp đánh giá kết quả triển khai hàng năm và xây dựng kế hoạch cho năm tới có sự tham gia của các cơ quan đối tác các cấp
- Nâng cao năng lực của đối tác về 1) xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội theo hướng liên kết chuỗi giá trị trong điều kiện biến đổi khí hậu, 2) nâng cao kiến thức và phân tích thông tin về biến đổi khí hậu, kiến thức sâu về lúa chịu mặn
- Tổ chức tham quan học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với dự án GIZ ở các tỉnh khác, và giữa các huyện thuộc tỉnh Bạc Liêu
- Xây dựng cơ chế đồng đầu tư và chịu trách nhiệm giữa dự án GIZ, các đối tác tham gia, và nông dân hưởng lợi từ các hoạt động của dự án
- Tài liệu hóa các kết quả để chia sẻ với các tỉnh khác và để khuyến nghị cho hợp phần sinh kế bền vững, chương trình CCCEP

VII Kết luận và khuyến nghị

Biến đổi khí hậu đã gây ra những thay đổi tiêu cực đến hệ thống canh lúa ở ĐBSCL. Người nông dân đang đối mặt với những thách thức lớn như xâm nhập mặn, hạn hán, ngập úng, sâu bệnh tăng và diện tích trồng lúa giảm. Sản xuất lúa trong điều kiện bị tác động của biến đổi khí hậu như hiện nay cần có những đổi mới về giống, kỹ thuật canh tác và tổ chức, phù hợp không chỉ về mặt kỹ thuật mà còn với nguồn lực con người, xã hội, tự nhiên, cơ sở hạ tầng, đầu tư tài chính và phù hợp với sinh kế bền vững của người dân. ‘Biện pháp ngập khô xen kẽ’ trên nền ‘1 phải 5 giảm’ do Hợp phần Lúa, Dự án GIZ Bạc Liêu giới thiệu được đánh giá là có tính phù hợp cao với vụ đông xuân ở những vùng chuyên canh lúa ở tỉnh này và khuyến nghị tiếp tục nhân rộng vào sản xuất. Từ kết quả của An Giang và Bạc Liêu, các tỉnh khác của CCCEP có thể tiến hành giới thiệu ‘Biện pháp ngập khô xen kẽ’ trên nền ‘1 phải 5 giảm’ cho người dân ở qui mô thử nghiệm ở những thời vụ và hệ thống canh tác lúa thích hợp.

Hệ thống hỗ trợ đổi mới trong sản xuất lúa ở ĐBSCL hiện đang tiếp cận theo hướng xuất phát từ ‘nguồn cung’. Hệ thống này cung cấp đổi mới kỹ thuật và hỗ trợ kèm theo dựa vào chủ trương và chính sách phát triển nông nghiệp và an ninh lương thực của nhà nước. Khả năng đáp ứng nhu cầu của thực tế sản xuất và của người sản xuất còn kém. Hầu hết các đổi mới kỹ thuật khi giới thiệu vào sản xuất hoặc chỉ phù hợp về mặt kỹ thuật nhưng chưa phù hợp với chiến lược sinh kế tổng thể của người dân. Sự liên kết giữa các mắt xích trong hệ thống còn yếu và chủ yếu mang tính một chiều. Thay đổi phương thức tiếp cận ‘xuất phát từ nguồn cung’ sang phương thức tiếp cận ‘theo nhu cầu’ là điều kiện để nâng cao hiệu quả của hệ thống này.

Chiến lược nhân rộng các đổi mới kỹ thuật phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu ở ĐBSCL của chương trình CCCEP cần quan tâm đến các giải pháp về mặt tổ chức và các giải pháp kỹ thuật. Về mặt tổ chức, chương trình CCCEP cần có cách tiếp cận đa chiều ‘xuất phát từ mối quan tâm chung của các bên liên quan’ để có thể tạo được những tác động đa cấp làm tiền đề cho sự thay đổi của hệ thống. Cách tiếp cận này cần áp dụng các nguyên tắc: 1) xuất phát từ mối quan tâm chung của các bên liên quan bao gồm nhà nước, hệ thống ban ngành chức năng liên quan, nông dân và doanh nghiệp; 2) tham gia và làm chủ của các bên liên quan; 3) liên kết tổ chức và thể chế để tăng cường liên kết hợp tác giữa các chủ thể tham gia. Về mặt kỹ thuật, chương trình CCCEP nên áp dụng phương pháp khuyến nông theo nhu cầu và có sự tham gia của người dân; xây dựng mạng lưới khuyến nông viên nông dân để có đổi mới kỹ thuật có thể tiếp cận với nhiều cộng đồng và nhiều người trong cộng đồng; gắn quyền lợi trực tiếp của doanh nghiệp vào quá trình chuyển giao kỹ thuật xây dựng mối liên kết bền vững đôi bên cùng có lợi giữa người nông dân và doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- Dang Kieu Nhan, Vu Anh Phap, Tran Huu Phuc và Nguyen Hieu Trung. 2011. Sản xuất lúa thích ứng với điều kiện nhiễm mặn ở những vùng ven biển thuộc Đồng bằng sông Cửu Long. Báo cáo kỹ thuật nộ CSIRO (November 2011). *(Bản gốc bằng tiếng Anh)*
- Farrington, J., Carney, D., Ashley, C. and Turton, C. 1999. Sinh kế bền vững trong thực tế: áp dụng khái niệm sinh kế vào nông thôn. *Natural Resource Perspective*, 42. *(Bản gốc bằng tiếng Anh)*
- GIZ Bạc Liêu. 2011. Kế hoạch triển khai hợp phần hỗ trợ sản xuất lúa trong điều kiện nhiễm mặn (Hợp phần Lúa) giai đoạn 2011-2014.
- GIZ Bạc Liêu. 2012. Báo cáo kết quả thử nghiệm giống lúa chịu mặn OM6677 và OM5629 trong vụ hè thu 2012 tại Bạc Liêu.
- GIZ Bạc Liêu. 2012. Báo cáo tổng kết tập huấn kỹ thuật ngập khô xen kẽ trên đất lúa và thực hiện mô hình trình diễn sản xuất lúa áp dụng kỹ thuật tưới ngập khô xem kẽ vụ đông xuân tỉnh Bạc Liêu 2011-2012.
- GIZ Bạc Liêu. 2012. Kế hoạch hợp tác giữa GIZ Bạc Liêu và dự án CLUES giai đoạn 2011-2014.
- Minh, T.T., Larsen, C.E.S. & Neef, A. 2010. Thách thức khi thể chế hóa phương pháp khuyến nông có sự tham gia: dẫn chứng từ 'Tập huấn cho nông dân chăn nuôi tại hiện trường' ở Việt Nam. *Journal of Agricultural Education and Extension* 16: 179-194. *(Bản gốc bằng tiếng Anh)*
- Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Bạc Liêu (DST). 2012. Báo cáo khoa học tổng hợp khung kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu.
- Sở NN&PTNT (DARD). 2012. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2011 và kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2012.
- Sở NN&PTNT Bạc Liêu. 2012. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2011 và kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2012 tỉnh Bạc Liêu.
- Thai Thi Minh, Larsen, C.E.S., Anh, T.K. (2007): phương pháp khuyến nông có sự tham gia – tài liệu tập huấn cho tập huấn viên. Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội, Việt Nam, 170 trang.
- Thai Thi Minh. 2010: Hệ thống hỗ trợ đổi mới nông nghiệp ở Miền núi phía Bắc Việt Nam: sáu thập kỉ chuyển đổi từ hướng tiếp cận 'theo nguồn cung' sang 'đa dạng hóa hệ thống'. Margraf Publishers, Weikersheim, Germany. *(Bản gốc bằng tiếng Anh)*
- Trung tâm khuyến nông Khuyến ngư. 2013. Báo cáo Kết quả thực hiện mô hình trình diễn giống lúa chịu mặn và tập huấn theo hướng VietGAP
- UBND huyện Giá Rai. 2012. Báo cáo kết quả sản xuất các giống lúa chịu mặn được hỗ trợ trong mô hình lúa tôm trên địa bàn các xã Phong Tân, Phong Thạnh và Phong Thạnh A năm 2012.
- UBND tỉnh Bạc Liêu. 2012. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bạc Liêu đến 2020, tầm nhìn 2030.
- Võ Thị Thanh Lộc và Lê Nguyễn Đoàn Khôi. 2011. Phân tích tác động các chính sách và chiến lược nâng cấp chuỗi ngành hàng lúa gạo. *Tạp chí Khoa học*, 19b 110-121.

Phụ lục

Phụ lục 1: Điều khoản tham chiếu hợp đồng tư vấn

Dự án: Thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua thúc đẩy đa dạng sinh học tại tỉnh Bạc Liêu

Thời gian: 15/01/2013 – 15/02/2013 - Địa điểm: Tỉnh Bạc Liêu

Từ năm 2012, Chương trình Biến đổi khí hậu (BĐKH) và các hệ sinh thái ven biển (gọi tắt là CCCEP) đã quan tâm đến các giống lúa chịu mặn, chịu hạn cũng như các kỹ thuật giúp tiết kiệm nước, chi phí sản xuất trong canh tác lúa nhằm thích ứng với BĐKH. Những tác động của BĐKH có thể dẫn đến việc nước biển dâng cao, các vùng sản xuất lúa bị nhiễm mặn nhiều hơn, và thiếu nước ngọt cho sản xuất trong mùa khô. Do đó, nhu cầu về các biện pháp kỹ thuật giúp tiết kiệm nước và các giống lúa chịu mặn của nông dân hiện nay cũng như trong tương lai ngày càng tăng.

Mục tiêu của hoạt động tư vấn

1. Đánh giá sự phù hợp của 2 kỹ thuật: (a) Tưới ngập khô xen kẽ trên đất trồng lúa và (b) Canh tác lúa chịu mặn
2. Đánh giá nguồn lực sẵn có và năng lực của hệ thống khuyến nông tỉnh và nghiên cứu hệ thống canh tác lúa của tỉnh Bạc Liêu và 2 tỉnh ĐBSCL khác
3. Phát triển chiến lược cho việc hợp nhất 2 kỹ thuật trên vào hệ thống khuyến nông và sản xuất giống tại ĐBSCL

Các nhiệm vụ chính:

1. Đánh giá sự phù hợp của 2 phương pháp mới: Tưới ngập khô xen kẽ và giới thiệu việc canh tác các giống lúa chịu mặn
 - Tham khảo các tài liệu và báo cáo liên quan
 - Họp và phỏng vấn các ban ngành, cá thể liên quan để thu thập thông tin
2. Đánh giá nguồn lực và năng lực sẵn có của hệ thống khuyến nông và sản xuất giống tại tỉnh Bạc Liêu và 2 tỉnh lân cận
 - Tham khảo các tài liệu và báo cáo liên quan
 - Họp và phỏng vấn các ban ngành, cá thể liên quan để thu thập thông tin
3. Chuẩn bị báo cáo đánh giá
 - Phân tích thông tin và số liệu
 - Viết báo cáo
4. Phát triển kế hoạch triển khai thực hiện các kỹ thuật canh tác vào hệ thống khuyến nông và sản xuất giống của tỉnh Bạc Liêu và 2 tỉnh khác của ĐBSCL
 - Phát triển kế hoạch cho việc triển khai áp dụng phương pháp Tưới ngập khô xen kẽ
 - Phát triển kế hoạch cho việc đưa giống lúa chịu mặn vào hệ thống canh tác lúa tại tỉnh Bạc Liêu
5. Tham vấn các bên liên quan về các kết quả nghiên cứu đạt được
 - Chuẩn bị bài thuyết trình

- Trình bày báo cáo tại hội thảo với các đối tác
- Ghi nhận các ý kiến đóng góp

6. Tổng kết và nộp báo cáo

- Phân tích các ý kiến phản hồi từ các đối tác
- Chỉnh sửa lại báo cáo dựa trên ý kiến phản hồi của các đối tác tại hội thảo
- Chỉnh sửa các kế hoạch

Kết quả mong đợi

- Mô tả chi tiết về sự thích hợp của 2 kỹ thuật canh tác lúa
- Mô tả rõ ràng về năng lực hiện tại của hệ thống khuyến nông và sản xuất giống
- Trình bày nội dung về 1 hoặc nhiều chiến lược về việc hợp nhất 2 kỹ thuật trên vào hệ thống khuyến nông và sản xuất giống của khu vực ĐBSCL
- Trình bày về các kết quả hoạt động nghiên cứu
- Các báo cáo và văn bản nộp cho dự án GIZ Bạc Liêu được làm thành 2 bản: tiếng Việt và tiếng Anh

Thời gian hoạt động

Hoạt động dự kiến diễn ra trong 25 ngày từ 15/01/2013 đến 15/02/2013. Cán bộ tư vấn làm việc ở Tỉnh Bạc Liêu, tham gia công tác thực địa ở Bạc Liêu và một số tỉnh khác

Phụ lục 2: Chương trình làm việc

Thời gian	Hoạt động	Người tham gia	Địa điểm
12 -13/1/13	Copenhagen về Thành phố Hồ Chí Minh		
14/1/2013	Gặp và làm việc với dự án CLUES về: <ul style="list-style-type: none"> Những đổi mới kỹ thuật canh tác lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu Khả năng hợp tác giữa CLUES và GIZ trong thời gian tới 	GS. Lê Quang Trí, GS. Nguyễn Hiếu Trung; TS. Đặng Kiều Nhân, TS. Võ Thành Danh, Ông. Nguyễn Thanh Giao, Ông Joachim Hofer, Nguyễn Hải Hà, Phú Phúc Nhân	Văn phòng CLUES, Viện nghiên cứu BĐKH, Trường đại học Cần Thơ
15/1/2013	Attending workshop on 'evaluation salt tolerance rice varieties introduced to Gia Rai district'	60 đại biểu từ sở NN&PTNT, Trung tâm KNKN, Trung tâm giống Nông nghiệp và Thủy sản, UBND huyện Giá Rai, Phòng Nông nghiệp huyện Giá Rai, nông dân tham gia mô hình	UBND xã Phong Thạnh, huyện Gia Rai
16/1/2013	Họp với GIZ Bạc Liêu để lên kế hoạch làm việc trong giai đoạn 1	Trung Tân Kiệt (PMU); Phan Văn Liên (AASC); Phan Hồng Thái (DARD); Nguyễn Phương Hùng (AAEC); Hồng Kim Thu (PPSD); Nguyễn Hải Hà and Phú Phúc Nhân (GIZ)	Văn phòng GIZ Bạc Liêu
	Gặp và làm việc với Trung tâm Giống Nông nghiệp và Thủy sản về: <ul style="list-style-type: none"> Các hoạt động được triển khai liên quan đến sản xuất lúa Đổi mới kỹ thuật canh tác lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu Kế hoạch hoạt động liên quan để sản xuất lúa chịu mặn Hợp tác với GIZ trong thời gian tới 	Phan Văn Liên (GD); Thai (PGĐ); Ngo (trưởng phòng kỹ thuật); Phong (Trưởng phòng hành chính tổng hợp)	Trung tâm Giống Nông nghiệp và Thủy sản
	Phỏng vấn thương lái ở Bạc Liêu về thị trường và tiêu thụ lúa gạo	Lê Minh Chiến (thương lái ở huyện Hòa Bình); Lê Văn Khánh (thương lái ở huyện Hòa Bình); Lê Văn An và Nguyễn Thị Thi (thương lái ở huyện Hồng Dân)	Trung tâm Giống Nông nghiệp và Thủy sản
17/1/2013	Gặp và làm việc với Chi cục BVTV về: <ul style="list-style-type: none"> Các chức năng nhiệm vụ và hoạt động chính Hoạt động và hợp tác với các cơ quan khác liên quan đến sản xuất lúa Đổi mới kỹ thuật canh tác lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu Hợp tác với GIZ trong thời gian tới 	Lê Công Tâm (GD); Hồng Kim Thu (PGĐ)	Chi cục BVTV
	Gặp và làm việc với Trung tâm KNKN về: <ul style="list-style-type: none"> Các chức năng nhiệm vụ và hoạt động chính Hoạt động và hợp tác với các cơ quan khác liên quan đến sản 	Nguyễn Phương Hùng (PGĐ)	Trung tâm KNKN

	xuất lúa <ul style="list-style-type: none"> • Đổi mới kỹ thuật canh tác lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu • Hợp tác với GIZ trong thời gian tới 		
18/1/2013	Gặp và làm việc với Sở NN&PTNT về: <ul style="list-style-type: none"> • Định hướng về sản xuất lúa trong điều kiện BĐKH • Quản lý và điều phối dự án GIZ Bạc Liêu • Kế hoạch triển khai dự án GIZ Bạc Liêu 	Phan Minh Quang (PGĐ) Phan Hồng Thái (Phòng kỹ thuật)	Sở NN&PTNT
	Gặp và làm việc với phòng NN&PTNT huyện, trạm BVTV, Trạm khuyến nông huyện Giá Rai về: <ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất lúa • Các hoạt động và hợp tác với các cơ quan khác liên quan đến sản xuất lúa • Đổi mới liên quan đến sản xuất lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu 	Trương Hữu Mến (Trưởng phòng Nông nghiệp Giá Rai); Lộc (phòng Nông nghiệp Giá Rai) Bảo (Trạm KNKN Giá Rai) Tĩnh (Trạm BVTV Giá Rai)	Phòng NN&PTNT huyện
19/1/2013	Phỏng vấn nông dân không tham gia và đã tham gia mô hình lúa chịu mặn ở xã Phong Thạnh và Phong Tân về: <ul style="list-style-type: none"> • Sự phù hợp của các giống chịu mặn trồng thử nghiệm ở xã • Cách tổ chức hoạt động thử nghiệm giống lúa chịu mặn • Làm thế nào để cải tiến cách thức tổ chức thử nghiệm giống lúa chịu mặn và ‘ngập khô xen kẽ’ ở ấp 	Du Van Kiem (nông dân ngoài mô hình), Phong Thanh Liem (Trưởng ấp), Phong Thanh Nghĩa (nông dân tham gia mô hình), Phong Thanh Nguyen Phong Tam (nông dân tham gia mô hình), Phong Tân	Nhà nông dân
	Thăm điểm mô hình trình diễn ngập khô xen kẽ’ ở Xã Vinh Mỹ B, huyện Hòa Bình	Vũ – Nông dân triển khai mô hình	Điểm mô hình
21/1/2013	Gặp và làm việc với phòng NN&PTNT huyện, trạm BVTV, Trạm khuyến nông huyện Đông Hải về: <ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất nông nghiệp và sản xuất lúa • Tác động của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp • Các hoạt động và hợp tác với các cơ quan khác liên quan đến sản xuất lúa • Hợp tác với GIZ • Định hướng phát triển nông nghiệp 	Nguyễn Trường Hận (Trưởng phòng Nông nghiệp Phong Hải) Hùng (phòng Nông nghiệp Phong Hải) Phúc (Trạm BVTV Phong Hải) Cường (Trạm KNKN Phong Hải)	Phòng NN&PTNT huyện
	Gặp và làm việc với phòng NN&PTNT huyện, trạm BVTV, Trạm khuyến nông huyện Hồng Dân về: <ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất lúa • Các hoạt động và hợp tác với các cơ quan khác liên quan đến 	Nguyễn Trung Hiếu (Phó phòng Nông nghiệp Hồng Dân) Lương Trung Tĩnh (phòng Nông nghiệp Hồng Dân) Võ Thị Hồng Cẩm (phòng Nông nghiệp Hồng Dân) Nguyễn Chí Linh (Trạm BVTV Hồng Dân)	Phòng NN&PTNT huyện

	<p>sản xuất lúa</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đổi mới liên quan đến sản xuất lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu • Hợp tác với GIZ • Tổ chức chuyển giao đổi mới kỹ thuật 	Hồ Thị Ngân (Trạm KNKN Hồng Dân)	
22/1/2013	<p>Phỏng vấn nhóm nông dân tham gia mô hình ngập khô xen kẽ ở xã Vĩnh Bình, huyện Hồng Dân về:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Canh tác lúa • Đổi mới kỹ thuật canh tác lúa • Sự phù hợp của biện pháp ngập khô xen kẽ thử nghiệm ở xã • Tác động của biến đổi khí hậu đến canh tác lúa 	08 nông dân Linh (Trạm BVTV Hồng Dân)	Nhà nông dân
	<p>Phỏng vấn nông dân đã tham gia mô hình lúa chịu mặn ở xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng Dân về:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sự phù hợp của các giống chịu mặn trồng thử nghiệm ở xã • Hệ thống canh tác lúa tôm 	07 nông dân Đại diện của phòng Nông nghiệp Hồng Dân	Nhà nông dân
23/1/2013	Chuẩn bị bài trình bày tại hội thảo nhân rộng đổi mới kỹ thuật của CCCEP		Văn Phòng GIZ
24/1/2013	Hội thảo nhân rộng đổi mới kỹ thuật của CCCEP và thăm điểm mô hình	30 đại biểu từ đối tác của GIZ ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Tiền Giang, CCCEP và Bộ Nông Nghiệp	Văn Phòng GIZ
25/1/2013	Họp với nhóm cố vấn trưởng của các tỉnh thuộc chương trình CCCEP và lập kế hoạch cho giai đoạn 2 của công tác tư vấn	Cố vấn trưởng dự án GIZ ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh	Văn Phòng GIZ
28/1/2013	Xử lý thông tin và viết báo cáo		Văn Phòng GIZ
29/1/2013	Xử lý thông tin và viết báo cáo		Văn Phòng GIZ
30/1/2013	Xử lý thông tin và viết báo cáo		Văn Phòng GIZ
31/1/2013	<p>Phỏng vấn 02 nhóm nông dân đã tham gia mô hình ‘ngập khô xen kẽ’ ở Xã Long Thạch, Huyện Vĩnh Lợi và Xã Phong Tân, huyện Giá Rai về:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sự phù hợp của biện pháp ngập khô xen kẽ thử nghiệm ở xã • Sản xuất lúa và thị trường tiêu thụ • Làm thế nào để những người nông dân khác áp dụng ‘ngập khô xen kẽ’ 	<p>Xã Long Thạch, Huyện Vĩnh Lợi: Vien, Dam (nông dân), Ngo Van Vinh, Luu Ngoc Thanh (Trạm BVTV Vĩnh Lợi)</p> <p>Xã Phong Tân, huyện Giá Rai: Pham Van Vui, Bui Duc Toi (nông dân), và Le Tan Loc (Trạm BVTV Giá Rai)</p>	Nhà nông dân
1/2/2013	Phỏng vấn 02 nhóm nông dân đã tham gia mô hình ‘ngập khô xen kẽ’ ở Xã Vĩnh Bình, Huyện Hòa Bình và Xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long về:	Xã Vĩnh Bình, Huyện Hòa Bình : 11 nông dân, và Hung Khien (Trạm BVTV Hòa Bình)	Nhà nông dân

	<ul style="list-style-type: none"> • Sự phù hợp của biện pháp ngập khô xen kẽ thử nghiệm ở xã • Làm thế nào để những người nông dân khác áp dụng ‘ngập khô xen kẽ’ • Đổi mới kỹ thuật canh tác lúa • Khó khăn trong sản xuất lúa 	Xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long: 8 nông dân, Ngũ Văn Ai (Trạm BVTV Phước Long)	
4/2/2013	Tham dự hội thảo tổng kết mô hình giống lúa chịu mặn ở xã Ninh Hòa, huyện Hồng Vân	35 nông dân, 03 đại diện từ Trung tâm KNKN, 01 đại diện từ Sở NN&PTNT, 02 đại diện từ phòng Nông nghiệp Hồng Dân	Nhà nông dân
5/2/2013	Họp với cán bộ hợp phần Lúa về triển khai và quản lý dự án phát triển	Phuong, Nguyễn Hải Hà và Phú Phúc Nhân	Cần Thơ
6/2/2013	Bạc Liêu – Hà Nội		
7/2/2013	Xử lý thông tin và viết báo cáo		Hà Nội
8/2/2013	Xử lý thông tin và viết báo cáo		Hà Nội
13/2/2013	Xử lý thông tin và viết báo cáo		Hà Nội
14/2/2013	Xử lý thông tin và viết báo cáo		Hà Nội
15/2/2013	Xử lý thông tin và viết báo cáo		Hà Nội
18/2/2013	Gặp gỡ làm việc với Ông Nguyễn Công Chức về: <ul style="list-style-type: none"> • Làm thế nào để tổ chức và triển khai hoạt động của hợp phần sinh kế bền vững, chương trình CCCEP • Làm thế nào để xây dựng và tổ chức nhân rộng đổi mới kỹ thuật canh tác lúa thích ứng với biến đổi khí hậu ở các tỉnh thuộc chương trình CCCEP • Hợp tác và điều phối của chương trình CCCEP 	Nguyễn Công Chức – CCCEP Hà Nội	Văn phòng GIZ Hà Nội
19/2/2013	Xử lý thông tin và viết báo cáo		
20/2/2013	Hà Nội – Bạc Liêu		
21/2/2013	Xử lý thông tin và viết báo cáo		Văn Phòng GIZ
22/2/2013	Chuẩn bị cho cuộc họp chia sẻ kết quả và xây dựng kế hoạch với các đối tác của GIZ Bạc Liêu		Văn Phòng GIZ
25/2/2013	họp chia sẻ kết quả và xây dựng kế hoạch với các đối tác của GIZ Bạc Liêu	10 đại diện đối tác các cấp của Hợp phần lúa, GIZ Bạc Liêu	Văn Phòng GIZ
26/2/2013	Hoàn thiện và nộp báo cáo		Văn Phòng GIZ
Tổng thời gian: 29 ngày không kể thwoif gian đi lại			

Phụ lục 3: Tổng hợp phương pháp khuyến nông đang được sử dụng

Chủ thể	Phương pháp	Đối tượng nông dân	Nội dung tập trung
Hệ thống khuyến nông nhà nước	Khuyến cáo kỹ thuật	Nông dân mô hình	Tiến bộ khoa học kỹ thuật chủ yếu sản xuất cây lương thực và cây công nghiệp
Hệ thống BVTV và Thú Y	Hạn chế rủi ro	Tất cả các đối tượng nông dân	Bảo vệ thực vật, thú y
Tổ chức triển khai các chương trình phát triển kinh tế xã hội từ nguồn kinh phí nhà nước	Phát triển kinh tế xã hội	Nông dân vùng sâu vùng xa, đối tượng gặp nhiều khó khăn	Những kinh nghiệm thành công trong sản xuất và tăng thu nhập
Công ty và doanh nghiệp	Khuyến cáo sản xuất hàng hóa	Hợp đồng với nông dân (chủ yếu là hộ giàu và hộ sản xuất qui mô hàng hóa)	Kỹ thuật sản xuất các công con có giá trị hàng hóa lớn
Cung cấp dịch vụ tư nhân	Dịch vụ thương mại	Tất cả các đối tượng nông dân có khả năng mua vật tư	Thông tin sử dụng giống, phân bón, thuốc BVTV, thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi
Hợp tác xã	Cung cấp thông tin	Tất cả các đối tượng nông dân	Các hoạt động kinh tế liên quan đến mua giống và vật tư đầu vào, thị trường, tín dụng, tiêu thụ sản phẩm, tưới tiêu
Truyền thông đại chúng	Phát tin bài về kỹ thuật mới và kinh nghiệm sản xuất của người dân	Tất cả các đối tượng nông dân có khả năng tiếp cận với phương tiện thông tin đại chúng	Kỹ thuật sản xuất hàng hóa
Tổ chức đoàn thể	Chia sẻ kiến thức	Tất cả các thành viên	Chăn nuôi gia súc nhỏ, tín dụng, vườn ao chuồng...
Tổ chức nông dân và ấp	Cung cấp thông tin và chia sẻ kiến thức	Tất cả các đối tượng nông dân	Nội dung có thể đáp ứng được với nhu cầu của người dân
Tổ chức quốc tế và NGOs	Khuyến nông có sự tham gia (FFS, câu lạc bộ khuyến nông)	Nông dân thuộc nhóm nghèo và cận nghèo	Nội dung liên quan đến cải thiện sinh kế

Phụ lục 4. Đánh giá sự phù hợp của ‘ngập khô xen kẽ trên nền 1 phải 5 giảm’

Phù hợp với: (0 = không phù hợp; 1 = ít phù hợp; 2 = phù hợp; 3 = rất phù hợp)						Có giúp:					
Điều kiện thời tiết	Điều kiện đất	Điều kiện nước	Tập quán canh tác	Điều kiện lao động	Khả năng đầu tư	Giảm sâu bệnh	Cây lúa phát triển tốt	Tăng năng suất	Tăng thu nhập	Giảm tác động đến môi trường	Giảm công lao động
1. Phải dung giống xác nhận											
2. Giảm giống											
3. Giảm phân											
4. Giảm thuốc BVTV											
5. Giảm lượng nước sử dụng											
6. Giảm thất thoát sau thu hoạch											